

## Mục lục

<b>Mục lục</b> .....	<b>1</b>
<b>Danh mục các bảng biểu</b> .....	<b>4</b>
<b>Chương 1</b> .....	<b>8</b>
1.1 Một số vấn đề về doanh thu, tiêu thụ, kết quả kinh doanh. ....	8
1.1.1 Một số vấn đề về doanh thu , tiêu thụ .....	8
1.1.1.1 Một số vấn đề về doanh thu.....	8
1) <b>Khái niệm</b> .....	8
2) <b>Các loại doanh thu</b> .....	8
3) <b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b> .....	9
1.1.1.2 <b>Tiêu thụ</b> .....	11
1) <b>Tiêu thụ và các yêu cầu quản lý việc tiêu thụ:</b> .....	11
2) <b>Các phương thức tiêu thụ</b> .....	12
3) <b>Ý nghĩa của doanh thu và tiêu thụ hàng hóa:</b> .....	14
1.1.1.3 <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b> .....	14
1.1.1.4 <b>Thu nhập khác</b> .....	15
1.1.2 <b>Kết quả kinh doanh</b> : .....	15
1.1.2.1 <b>Khái niệm</b> : .....	15
1.1.2.2 <b>Một số điểm lưu ý khi hạch toán kết quả kinh doanh:</b> .....	15
1.1.2.3 <b>Phương pháp tính</b> .....	16
* <b>Giá vốn hàng bán</b> .....	17
1.2 . <b>Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.</b> ....	22
1.2.1 <b>Kế toán doanh thu, tiêu thụ của doanh nghiệp</b> .....	22
1.2.1.1 <b>Các phương pháp kế toán hàng tồn kho</b> .....	22
1.2.1.2 <b>Kế toán doanh thu, tiêu thụ hàng hóa</b> .....	22
1) <b>Kế toán chi tiết</b> .....	22
2) <b>Kế toán tổng hợp</b> .....	24
1.2.1.3 <b>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</b> .....	26
1) <b>kế toán chi tiết:</b> .....	26
<b>Tài khoản sử dụng</b> .....	26
2) <b>Kế toán tổng hợp:</b> .....	27
1.2.1.4 . <b>Kế toán doanh thu tài chính</b> .....	29
1) <b>kế toán chi tiết</b> .....	29

2) <b>kế toán tổng hợp</b> .....	30
1.2.1.5 <b>Kế toán thu nhập khác</b> .....	31
1) <b>kế toán chi tiết</b> .....	31
2) <b>kế toán tổng hợp</b> .....	32
1.2.2 <b>Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:</b> .....	34
1.2.2.1 . <b>Kế toán giá vốn hàng tiêu thụ và chi phí</b> .....	37
1.2.2.1 . <b>Kế toán giá vốn hàng tiêu thụ</b> .....	37
1) <b>.Kế toán chi tiết.</b> .....	37
2) <b>Kế toán tổng hợp</b> .....	38
1.2.2.1 . <b>Kế toán chi phí ban hàng</b> .....	41
1) <b>Kế toán chi tiết</b> .....	41
2) <b>Kế toán tổng hợp</b> .....	42
1.2.2.1 . <b>Kế toán chi phí QLDN</b> .....	44
1) <b>Kế toán chi tiết</b> .....	44
2) <b>.Kế toán tổng hợp</b> .....	45
1.2.2.1.4 <b>Kế toán chi phí tài chính</b> .....	47
1) <b>Kế toán chi tiết</b> .....	47
2) <b>Kế toán tổng hợp</b> .....	48
1.2.2.1.4 <b>Kế toán chi phí khác</b> .....	50
1) <b>Kế toán chi tiết</b> .....	50
2) <b>Kế toán tổng hợp</b> .....	50
<b>Chương 2</b> .....	<b>52</b>
2.1 <b>KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỆT HẰNG</b> .....	52
2.1.1 <b>Lịch sử hình thành và phát triển của DN TN Nguyệt Hằng</b> .....	52
2.1.2 <b>Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của DN TN Nguyệt Hằng</b> .....	52
2.1.2.1 <b>Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:</b> .....	52
2.1.2.2 <b>Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:</b> .....	53
2.1.3 <b>Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của DN TN Nguyệt Hằng</b> .....	54
2.1.3.1 <b>Tổ chức bộ máy kế toán:</b> .....	54
2.1.3.2 . <b>Chức năng và nhiệm vụ:</b> .....	54
2.1.4 <b>Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của công ty</b> .....	55
2.1.5 <b>Khó khăn và thuận lợi của Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyệt Hằng</b> :	58
2.1.5.1 <b>Khó khăn</b> .....	58
2.1.5.2 <b>Thuận lợi:</b> .....	59

2.1.6 Phương hướng phát triển công ty trong những năm tiếp theo .....	59
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	62
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại.....	63
Doanh nghiệp: .....	63
2.2.1.1 . Kế toán doanh thu tài chính .....	71
2.2.2 .Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng .....	75
2.2.2.1 Kế toán chi phí.....	75
1) Kế toán giá vốn hàng bán .....	76
2) .Kế toán chi phí quản lí kinh doanh.....	82
2.2.2.2 .Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	90
<b>Chương 3.....</b>	<b>95</b>
3.1 Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng. ....	95
3.1.1 Ưu điểm.....	95
3.1.2 Tồn tại .....	97
3.2 . Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.....	99
3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	99
3.2.2 Một số kiến nghị.....	102

## Danh mục các bảng biểu

<b>Biểu số</b>	<b>TÊN</b>	<b>Trang</b>
<b>1</b>	Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ	<b>23</b>
<b>2</b>	Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>26</b>
<b>3</b>	Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515	<b>28</b>
<b>4</b>	Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	<b>31</b>
<b>5</b>	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	<b>34</b>
<b>6</b>	Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	<b>37</b>
<b>7</b>	Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	<b>38</b>
<b>8</b>	Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng	<b>41</b>
<b>9</b>	Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	<b>44</b>
<b>10</b>	Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK635	<b>47</b>
<b>11</b>	Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811	<b>49</b>
<b>12</b>	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	<b>51</b>
<b>13</b>	Tổ chức bộ máy kế toán	<b>52</b>
<b>14</b>	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật kí chung	<b>55</b>
<b>15</b>	Bảng một số chỉ tiêu thể hiện quá trình phát triển của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.	<b>59</b>
<b>16</b>	Đồ thị thể hiện quá trình phát triển của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng qua 3 năm vừa qua.	<b>59</b>
<b>17</b>	Bảng chỉ tiêu doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.	<b>61</b>
<b>18</b>	Biểu đồ cơ cấu doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.	<b>61</b>
<b>19</b>	Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng	<b>64</b>
<b>20</b>	HĐGTGT	<b>65</b>
<b>21</b>	Phiếu thu	<b>66</b>
<b>22</b>	Nhật kí chung	<b>67</b>
<b>23</b>	Sổ cái tài khoản 511	<b>68</b>

<b>Biểu số</b>	<b>TÊN</b>	<b>Trang</b>
<b>24</b>	Sổ cái tài khoản 111	<b>69</b>
<b>25</b>	Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính	<b>70</b>
<b>26</b>	Giấy báo có	<b>71</b>
<b>27</b>	Nhật kí chung	<b>70</b>
<b>28</b>	Sổ cái tài khoản 711	<b>72</b>
<b>29</b>	Bảng chỉ tiêu cơ cấu chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng	<b>73</b>
<b>30</b>	Biểu đồ cơ cấu chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng	<b>74</b>
<b>31</b>	Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán	<b>77</b>
<b>32</b>	Phiếu xuất kho	<b>78</b>
<b>33</b>	Nhật kí chung	<b>79</b>
<b>34</b>	Sổ cái tài khoản 632	<b>80</b>
<b>35</b>	Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng	<b>82</b>
<b>36</b>	Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp	<b>84</b>
<b>37</b>	Hóa đơn GTGT	<b>85</b>
<b>38</b>	Phiếu chi	<b>86</b>
<b>39</b>	Nhật kí chung	<b>87</b>
<b>40</b>	Sổ cái tài khoản 642	<b>88</b>
<b>41</b>	Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh	<b>89</b>
<b>42</b>	Phiếu kế toán	<b>90</b>
<b>43</b>	Nhật kí chung	<b>91</b>
<b>44</b>	Sổ cái tài khoản 911	<b>92</b>
<b>45</b>	Sổ cái tài khoản 821	<b>93</b>
<b>46</b>	Sổ chi tiết hàng hóa	<b>103</b>
<b>47</b>	Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa	<b>104</b>
<b>48</b>	Sổ chi tiết bán hàng	<b>105</b>
<b>49</b>	Bảng tổng hợp theo tài khoản	<b>106</b>
<b>50</b>	Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	<b>109</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Chúng ta muốn tồn tại trong xã hội ngày nay, chúng ta phải lao động, nói đến lao động trước hết phải nói đến hoạt động sản xuất và kết quả là tiêu thụ hàng hoá, trong đó vấn đề cần quan tâm nhất là hiệu quả kinh tế. Đây là sự so sánh giữa toàn bộ chi phí bỏ ra và kết quả thu lại được. Muốn làm được điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải có tri thức trong hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiêu thụ hàng hoá là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kết quả tiêu thụ hàng hoá, nó có vị trí đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp, nó góp phần to lớn đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, khâu tiêu thụ hàng hoá của quá trình sản xuất, kết quả tiêu thụ hàng hoá tại các doanh nghiệp gắn liền với thị trường, luôn luôn vận động và phát triển theo sự biến động phức tạp của các doanh nghiệp.

Chính vì vậy, công tác hạch toán tiêu thụ hàng hoá, luôn luôn được nghiên cứu, tìm tòi, bổ sung để được hoàn thiện hơn, cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhằm mục đích không ngừng nâng cao chất lượng hàng hoá, hiệu quả của sản xuất, hiệu năng của quản lý.

Trong những năm gần đây, thị trường nước ngoài là một vấn đề nổi trội cần quan tâm của các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá. Từ khi thực hiện chính sách mở cửa Việt Nam đã thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác thương mại với nhiều nước trên thế giới. Ngược lại hàng hoá của các nước cũng tràn vào Việt Nam với khối lượng khá lớn nên công tác hạch toán tiêu thụ hàng hoá càng cần phải được hoàn thiện hơn

Xây dựng tổ chức công tác hạch toán kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc ra quyết định chỉ đạo, điều hành sản xuất, kết quả tiêu thụ hàng hoá có hiệu quả. Công tác kế toán nói chung, hạch toán tiêu thụ hàng hoá nói riêng ở các doanh nghiệp đã được hoàn thiện dần song mới chỉ đáp ứng được yêu cầu của quản lý ở các

doanh nghiệp với mức độ còn hạn chế. Bởi vậy, bổ sung và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung, hạch toán tiêu thụ hàng hoá nói riêng luôn là mục tiêu hàng đầu ở các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán tiêu thụ hàng hoá, trong thời gian thực tập tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng- một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại em đã đi sâu tìm hiểu và nghiên cứu lý luận của công việc hạch toán doanh thu tiêu thụ hàng hoá ở Doanh nghiệp. Cùng với số vốn kiến thức ít ỏi học được trên ghế nhà trường, em mạnh dạn chọn đề tài

***"Hoàn thiện công tác Kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng"***

Với nội dung như vậy khóa luận của em được chia làm 3 chương:

Chương I : Một số vấn đề chung về doanh thu, tiêu thụ, kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II : Tổ chức công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng

Chương III: Một vài kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.

Do thời gian thực tập không nhiều, cùng với kiến thức về thực tế của em còn hạn chế, khóa luận của em chắc chắn có nhiều thiếu sót. Em mong nhận được sự quan tâm góp ý của các thầy cô giáo bộ môn và toàn thể các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

*Chương 1***MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, TIÊU THỤ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Một số vấn đề về doanh thu, tiêu thụ, kết quả kinh doanh.****1.1.1 Một số vấn đề về doanh thu, tiêu thụ****1.1.1.1 Một số vấn đề về doanh thu****1) Khái niệm**

**Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**2) Các loại doanh thu****\* *Doanh thu bán hàng:***

*Khái niệm:* Doanh thu bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào;

*Các điều kiện ghi nhận doanh thu :* Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

*Khái niệm:* doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đó thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán

*Các điều kiện ghi nhận doanh thu:* Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đó hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đó hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**3) Các khoản giảm trừ doanh thu:**

***Chiết khấu thương mại:*** Chiết khấu thương mại là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng

***Hàng bán bị trả lại:*** doanh thu hàng đã bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong điều kiện kinh

tế hoặc theo chính sách bảo hành, như: hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

**Giảm giá hàng bán:** Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp ( bên bán ) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn...đã ghi trong thời hạn hợp đồng

**Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp :** Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng

$$\begin{aligned} \text{Số thuế GTGT phải nộp} &= \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT(\%)} \\ \text{GTGT} &= \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ tương ứng} \end{aligned}$$

### ***Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu***

**Thuế tiêu thụ đặc biệt :** Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

**Thuế xuất khẩu:** Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu

**\* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

**\* Doanh thu nội bộ**

*Khái niệm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành.

**1.1.1.2 Tiêu thụ****1) Tiêu thụ và các yêu cầu quản lý việc tiêu thụ:**

Thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ của xã hội là mục tiêu mà tất cả các doanh nghiệp đều hướng tới, do đó sản phẩm phải đưa đến tận tay người tiêu dùng. Công việc này được tiến hành thông qua quá trình tiêu thụ. Nó là khâu cuối cùng trong chu trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động này nhằm thỏa mãn nhu cầu của các cá nhân hay tập thể trong và ngoài doanh nghiệp.

Tiêu thụ hàng hóa là việc đưa các thành phẩm này từ lĩnh vực sản xuất vào lĩnh vực lưu thông. Thông qua công tác này doanh nghiệp có cơ hội thu hồi lại vốn mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh và được thêm một khoản “thặng dư” nữa để có thể đầu tư vào sản xuất và tái sản xuất mở rộng, đảm bảo cho cuộc sống của cán bộ công nhân viên...

Như vậy, tiêu thụ là khâu quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó là khâu trung gian, là cầu nối giữa một bên là sản xuất, một bên là tiêu dùng. Ngày nay, khái niệm tiêu thụ được hiểu theo nghĩa rộng hơn, nó là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu, từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua hàng và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng nhằm mục đích đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Theo Quyết định 149/2001/BTC ngày 31/12/2001, hàng hoá được xem là tiêu thụ và quá trình tiêu thụ được coi là hoàn tất (nguyên tắc ghi nhận doanh thu) khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Cũng như sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ cũng cần sự quản lý chặt chẽ của doanh nghiệp, vì vậy cần đảm bảo các yêu cầu quản lý sau trong quá trình tiêu thụ:

+ Nắm bắt được từng loại hàng hóa và sự vận động của chúng trong quá trình nhập – xuất – tồn kho trên các chỉ tiêu chất lượng số lượng cũng như giá trị.

+ Nắm bắt và theo dõi chặt chẽ từng phương thức bán hàng, tổng thể thanh toán, tổng số khách hàng, đơn đốc thu hồi nhanh tiến bán hàng, không để xảy ra tình trạng chiếm dụng vốn.

+ Tính toán xác định đúng đắn kết quả từng loại hoạt động và thực hiện nghiêm túc cơ chế lợi nhuận.

## **2) Các phương thức tiêu thụ**

### Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng

Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đó đã quy định trước trong trường hợp: sản phẩm khi xuất kho chuyên đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyên giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ

### Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng

Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Đối với đơn vị ký gửi hàng hoá (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hoá nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

Phương thức bán hàng trả chậm., trả góp

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp mang sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

### 3) Ý nghĩa của doanh thu và tiêu thụ hàng hóa:

Với chức năng cung cấp thông tin kiểm tra, giám đốc các loại hoạt động sản xuất kinh doanh của nghiệp kế toán kế toán đã và đang là một công cụ đắc lực và hữu hiệu trong công tác quản lý, là một nội dung của kế toán trong các doanh nghiệp, kế toán hàng hóa và tiêu thụ đóng một vai trò quyết định trong công tác quản lý. Nó phản ánh đầy đủ chính xác quá trình Nhập\_Xuất\_Tồn kho các hàng hóa. Đồng thời đưa ra các thông tin trung thực và chính xác về kết quả của quá trình tiêu thụ.

#### 1.1.1.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Khái niệm: tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính gồm:*

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; Lãi cho thuê tài chính;...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính...);
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

#### 1.1.1.4 Thu nhập khác

*Khái niệm:* Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

*Các điều kiện ghi nhận doanh thu:*

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đó xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

#### 1.1.2 Kết quả kinh doanh :

##### 1.1.2.1 .Khái niệm :

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kì.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với giá trị vốn hàng bán ( gồm cả sản phẩm , hàng hóa dịch vụ ), chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

##### 1.1.2.2 Một số điểm lưu ý khi hạch toán kết quả kinh doanh:

- Khi hạch toán kết quả kinh doanh phải phản ánh đầy đủ , chính xác các kết quả hoạt động kinh doanh của kì kế toán theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phải được hạch toán chi tiết cho từng hoạt động . Trong từng hoạt động phải chi tiết cho từng loại sản phẩm.

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là doanh thu thuần và thu nhập thuần

### 1.1.2.3 Phương pháp tính

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần bán hàng} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} + \text{Thu nhập khác}$$

$$- \text{Giá vốn hàng bán} - \text{chi phí bán hàng} - \text{chi phí quản lí DN} - \text{chi phí hoạt động tài chính} - \text{chi phí khác}$$

Doanh thu thuần bán hàng = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - các khoản giảm trừ doanh thu.

Các loại doanh thu đã được trình bày ở mục **1.1.1 Một số vấn đề về doanh thu, tiêu thụ** xin trình bày tiếp các vấn đề về Giá vốn hàng bán và các loại chi phí.



**\*Giá vốn hàng bán**

*Khái niệm:* là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá (HH) đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm (SP), lao vụ, dịch vụ (DV) hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Xác định giá vốn của hàng đã bán:

$$\begin{array}{l} \text{trị giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{của hàng xuất} \\ \text{đã bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí bán hàng và} \\ \text{chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Xác định trị giá vốn của thành phẩm - hàng hoá được xuất bán trong

kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{trị giá} \\ \text{vốn} \\ \text{thực tế} \\ \text{của} \\ \text{hàng} \\ \text{xuất} \\ \text{bán} \\ \text{trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{trị giá vốn} \\ \text{thực tế} \\ \text{của TP-} \\ \text{HH tồn} \\ \text{kho đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{trị giá vốn} \\ \text{thực tế} \\ \text{của TP-} \\ \text{HH gửi} \\ \text{bán chưa} \\ \text{xác định} \\ \text{tiêu thụ} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{thực tế} \\ \text{của TP-} \\ \text{HH nhập} \\ \text{kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{vốn thực} \\ \text{tế của} \\ \text{TP-HH} \\ \text{tồn kho} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{trị giá vốn} \\ \text{thực tế} \\ \text{của TP-} \\ \text{HH chưa} \\ \text{được xác} \\ \text{định tiêu} \\ \text{thụ cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

\* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán:

Phương pháp bình quân gia quyền:

**Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân**

**Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng thực tế nhập trong  
kỳ**

**Đơn giá BQ cả kỳ =**  $\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$

**Giá trị hàng hoá tồn kho sau lần nhập i**

**Đơn giá BQ liên hoàn =**  $\frac{\text{Giá trị hàng hoá tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế sau lần nhập i}}$

Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì vật liệu, hàng hóa nào về nhập trước thì sẽ được xuất ra trước. Xuất hết phần vật liệu, hàng hóa nhập trước mới tính đến phần vật liệu hàng hóa nhập sau.

Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này thì kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của lần nhập đầu tiên.

Phương pháp thực tế đích danh:

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

\* **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Nội dung chi phí sản phẩm bao gồm các yếu tố sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng: là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, các khoản trích theo lương( khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ)

- Chi phí vật liệu, bao bì: là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, vật liệu dùng sửa chữa TSCĐ dùng trong quá trình bán hàng, nhiên liệu dùng cho vận chuyển hàng hóa

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ đo lường tính toán

- Chi phí khấu hao TSCĐ: để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như: nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển bốc dỡ

- Chi phí bảo hành sản phẩm: là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian bảo hành( riêng chi phí bảo hành trong thời gian xây lắp đọc hạch toán vào TK 627)

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ nh: thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ, vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

- Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các kinh phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm...

Ngoài ra tùy thuộc hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng ngành, từng đơn vị mà TK 641 “Chi phí bán hàng” có thể mở thêm một số nội dung chi phí.

\* **Chi phí quản lý doanh nghiệp**: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp

Theo quy định của chế độ hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ tiến hành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỉ lệ quy định

- Chi phí vật liệu quản lý: giá trị thực tế của các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng trong hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của DN, cho việc sửa chữa TSCĐ...dùng chung của DN

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của DN

- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho DN như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế, phí và lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản chi phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi về dịch vụ mua ngoài, phục vụ chung toàn DN như: tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ; tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần ( không đủ tiêu chuẩn TSCĐ ); chi phí trả cho nhà thầu phụ

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi khác bằng tiền ngoài các khoản chi đã kể trên, như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ, các khoản chi khác...

\* **Chi phí hoạt động tài chính**: là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư công cụ tài chính; đầu tư liên doanh; đầu tư liên kết; đầu tư vào công ty con. (Chi phí nắm giữ, thanh lý, chuyển nhượng các khoản đầu tư, các khoản lỗ trong đầu tư...)

- Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn.

- Chi phí liên quan đến mua bán ngoại tệ.

- Chi phí lãi vay vốn kinh doanh không được hòa vốn, khoản triết khấu thanh toán khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp lao vụ, dịch vụ.

- Chênh lệch lỗ khi mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

\* **Chi phí khác** là các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

\* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

## **1.2 . Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.**

### **1.2.1 Kế toán doanh thu, tiêu thụ của doanh nghiệp**

#### **1.2.1.1 Các phương pháp kế toán hàng tồn kho**

Hiện nay doanh nghiệp có thể sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

#### **1.2.1.2 Kế toán doanh thu, tiêu thụ hàng hóa**

Doanh thu, tiêu thụ của doanh nghiệp bao gồm :

- Bán hàng
- Cung cấp dịch vụ

##### **1) Kế toán chi tiết**

##### **Chứng từ sử dụng**

Chứng từ kế toán để kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu cung cấp dịch vụ sử dụng gồm:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01- GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 - BH)
- Thẻ quầy hàng (mẫu 15 - BH)
- Các chứng từ thanh toán( phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo Có NH, bảng kê của NH...)
- Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại ...

**Tài khoản kế toán sử dụng:**

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

+ **TK 511** có 5 TK cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư
- TK 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh BĐSĐT

+ **TK 512** bao gồm 3 TK cấp 2:

TK 5121 – Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

*Kết cấu và nội dung phản ánh của TK511, TK 512*

**Bên nợ:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên Doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ

- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (giảm giá bán hàng, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại)

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, doanh thu BĐSĐT sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

**Bên có:**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

**2) Kế toán tổng hợp**

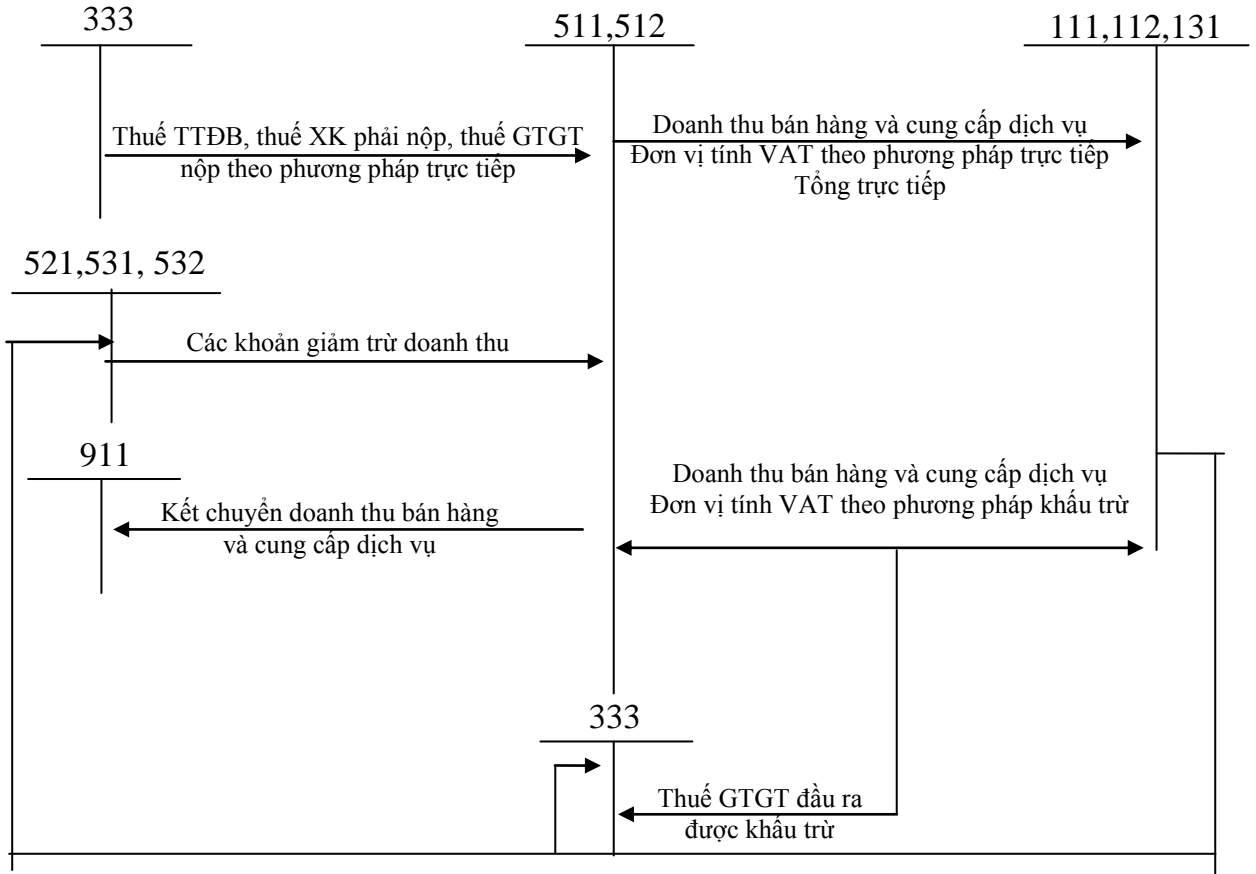
Sổ sách sử dụng : sổ cái , sổ chi tiết, sổ tổng hợp,

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng, doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ như sau:



**Biểu số 1:**

**Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ,  
doanh thu nội bộ**



Chiết khấu thương mại, doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

### 1.2.1.3 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1) kế toán chi tiết:

##### **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn bán hàng thông thường
- + Hợp đồng mua bán;
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- + Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

##### **Tài khoản sử dụng**

- a. Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”.

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

##### **Bên nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;

##### **Bên có:**

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 không có số dư*

- b. Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

##### **Bên nợ:**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

**Bên có:**

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ*

c. Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

**Bên nợ:**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

**Bên có:**

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512;

*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ*

d. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu. Sử dụng các tài khoản sau:

+ Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

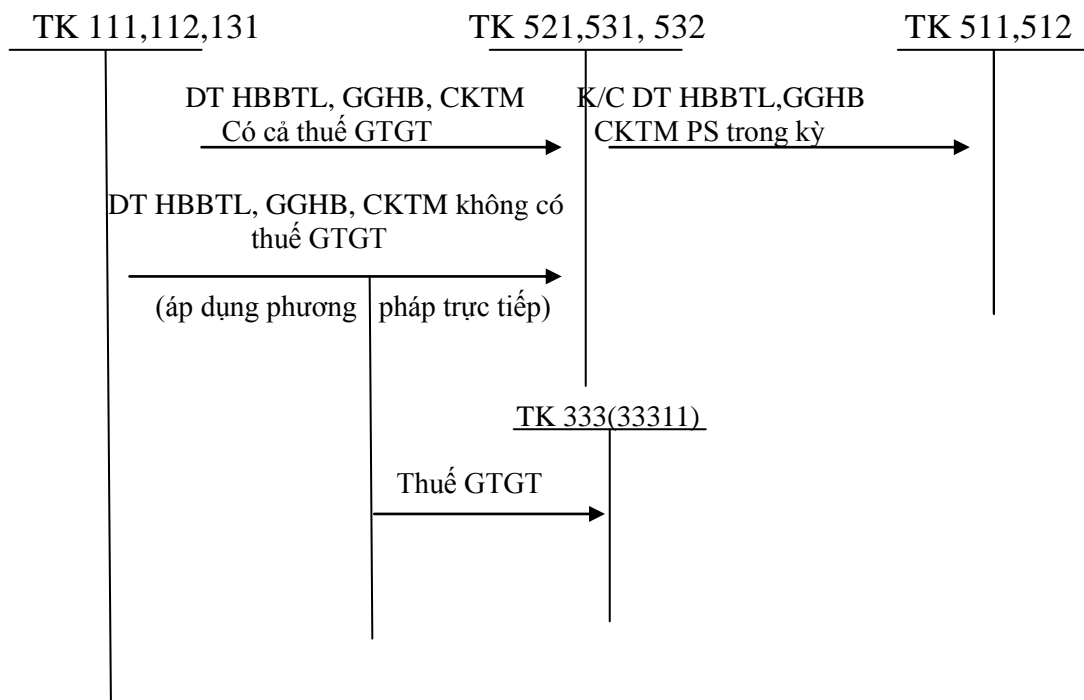
**2) Kế toán tổng hợp:**

Sổ sách sử dụng : sổ cái , sổ chi tiết, sổ tổng hợp

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 2:**

**Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



#### 1.2.1.4 . Kế toán doanh thu tài chính

\* Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ; lãi cho thuê tài chính;...

- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính tạo ra từ nội bộ DN) (Nếu là cho thuê hoạt động, cho thuê BĐSĐT thì hạch toán vào TK 511);

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

##### 1) kế toán chi tiết

##### **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay ;
- Các giấy tờ liên quan khác;

##### **Tài khoản sử dụng:**

\* Tài khoản sử dụng: TK 515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

\*Nội dung kết cấu tài khoản 515:

##### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

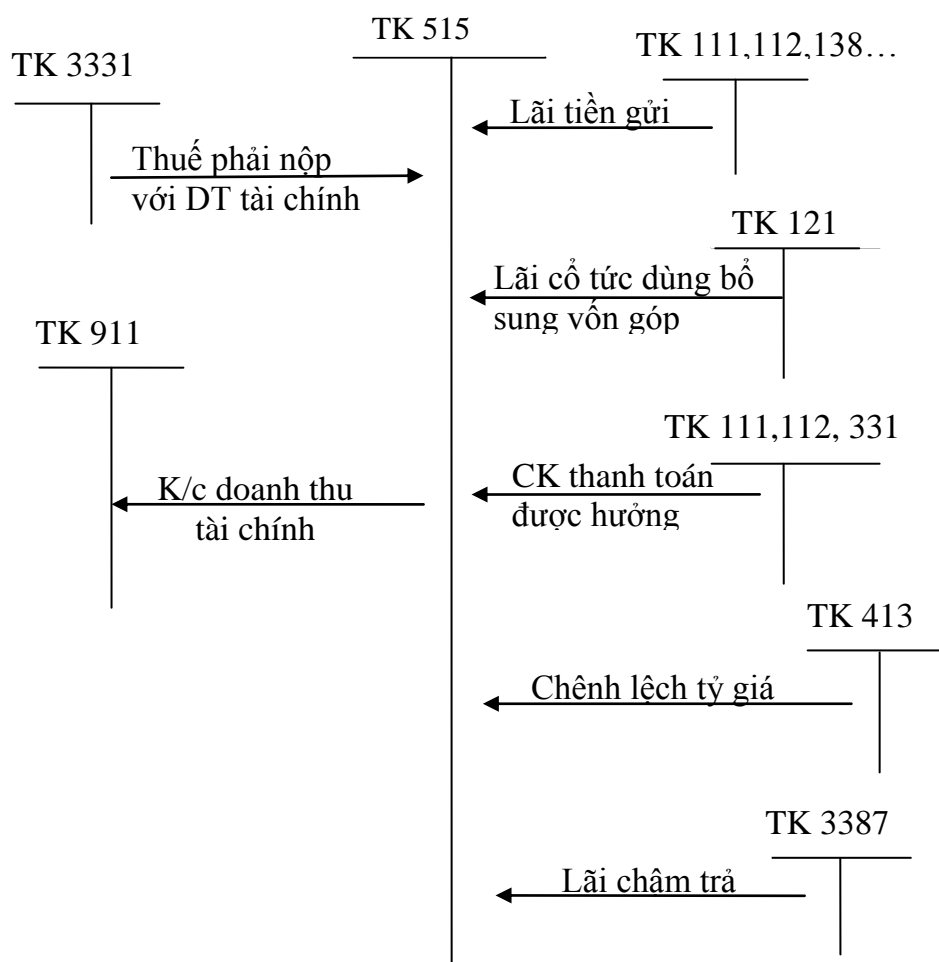
**2) kế toán tổng hợp**

Sổ sách sử dụng : sổ cái , sổ chi tiết, sổ tổng hợp

Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ về doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 3:**

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 515**



### 1.2.1.5 Kế toán thu nhập khác

\* Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

#### 1) kế toán chi tiết

##### Chứng từ sử dụng :

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

##### Tài khoản sử dụng:

- \* TK 711 "Thu nhập khác".
- \* Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

##### Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:** Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

## **2) kế toán tổng hợp**

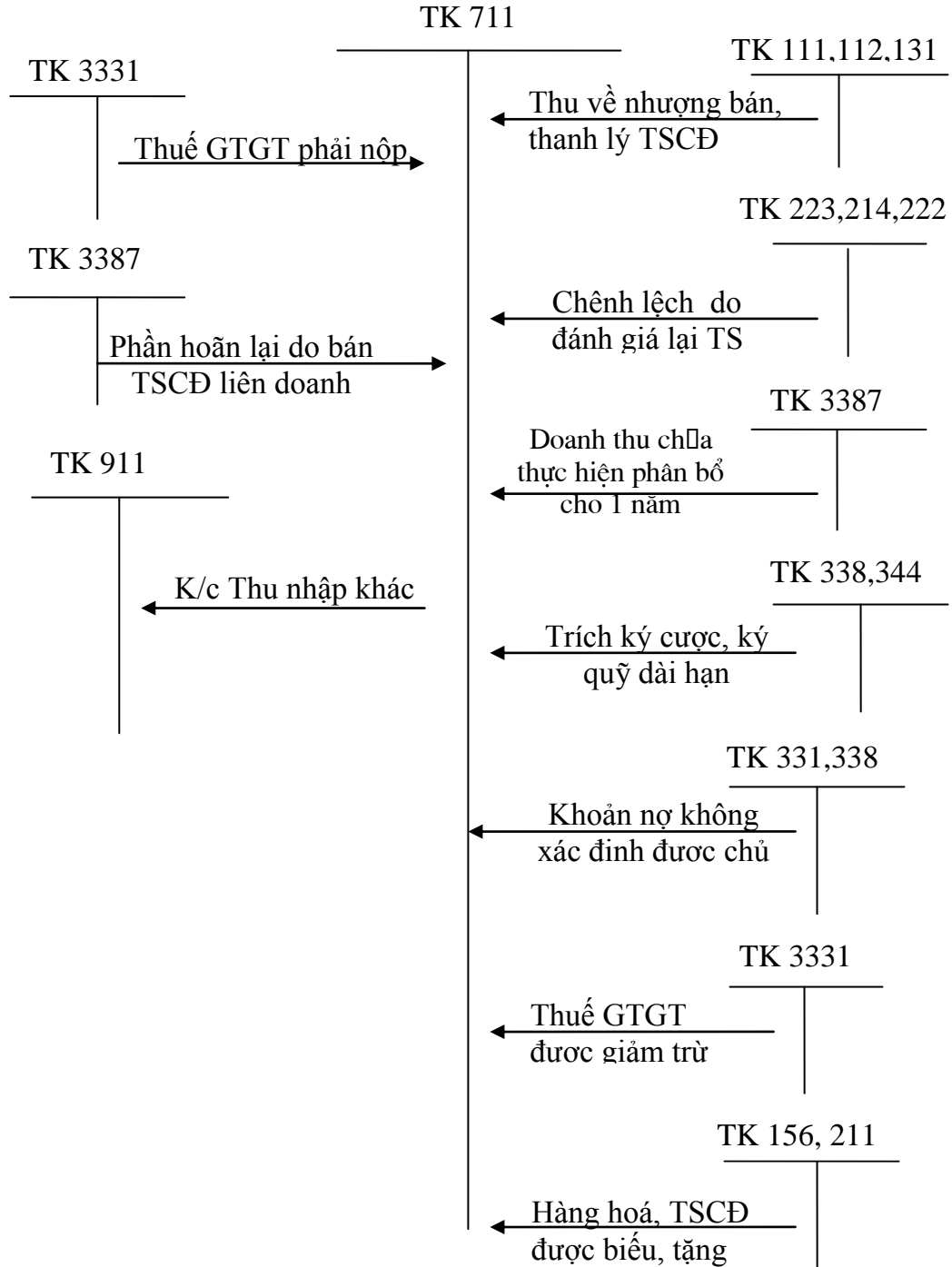
Sổ sách sử dụng : sổ cái , sổ chi tiết, sổ tổng hợp

Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ về thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ như sau:



**Biểu số 4:**

**Sơ đồ hạch toán thu nhập khác**



### 1.2.2 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

\* Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

-Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp.

-Tài khoản 421-Lợi nhuận chưa phân phối.

+Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

.TK 4211- Lợi nhuận năm trước.

.TK 4212- Lợi nhuận năm nay.

- Ngoài ra, kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 333, 414, 415, 431, 511, 512, 515, 635, 641,...

\* Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả từ hoạt động SXKD (bán hàng và cc dịch vụ)	=	Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn của hàng xuất bán và CP thuế TNDN	-	CPBH và CPQLDN
--	---	---	---	---	---	----------------

Kết quả từ hoạt động tài chính	=	Tổng DT thuần về hoạt động tài chính	-	Chi phí về hoạt động tài chính
--------------------------------	---	--------------------------------------	---	--------------------------------

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ ( chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp)

\* Theo chế độ tài chính hiện hành, lợi nhuận của DN được phân phối sử dụng theo thứ tự sau:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà nước.
- Nộp khoản thu trên vốn do sử dụng vốn của nhà nước.
- Bù đắp các khoản lỗ từ năm trước, các khoản chi phí không được tính vào chi phí để tính thu nhập chịu thuế.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định.
- Chia cổ tức, chia lãi cho các bên góp vốn...

Trong đó việc trích nộp cho nhà nước, trích lập từng quỹ cụ thể của doanh nghiệp, chia cổ tức, chia lãi....theo tỷ lệ là bao nhiêu tùy thuộc vào chế độ quy định cho từng thời kỳ nhất định và quyết định của cấp có thẩm quyền.

\* Trong các doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận được tiến hành theo 2 bước:

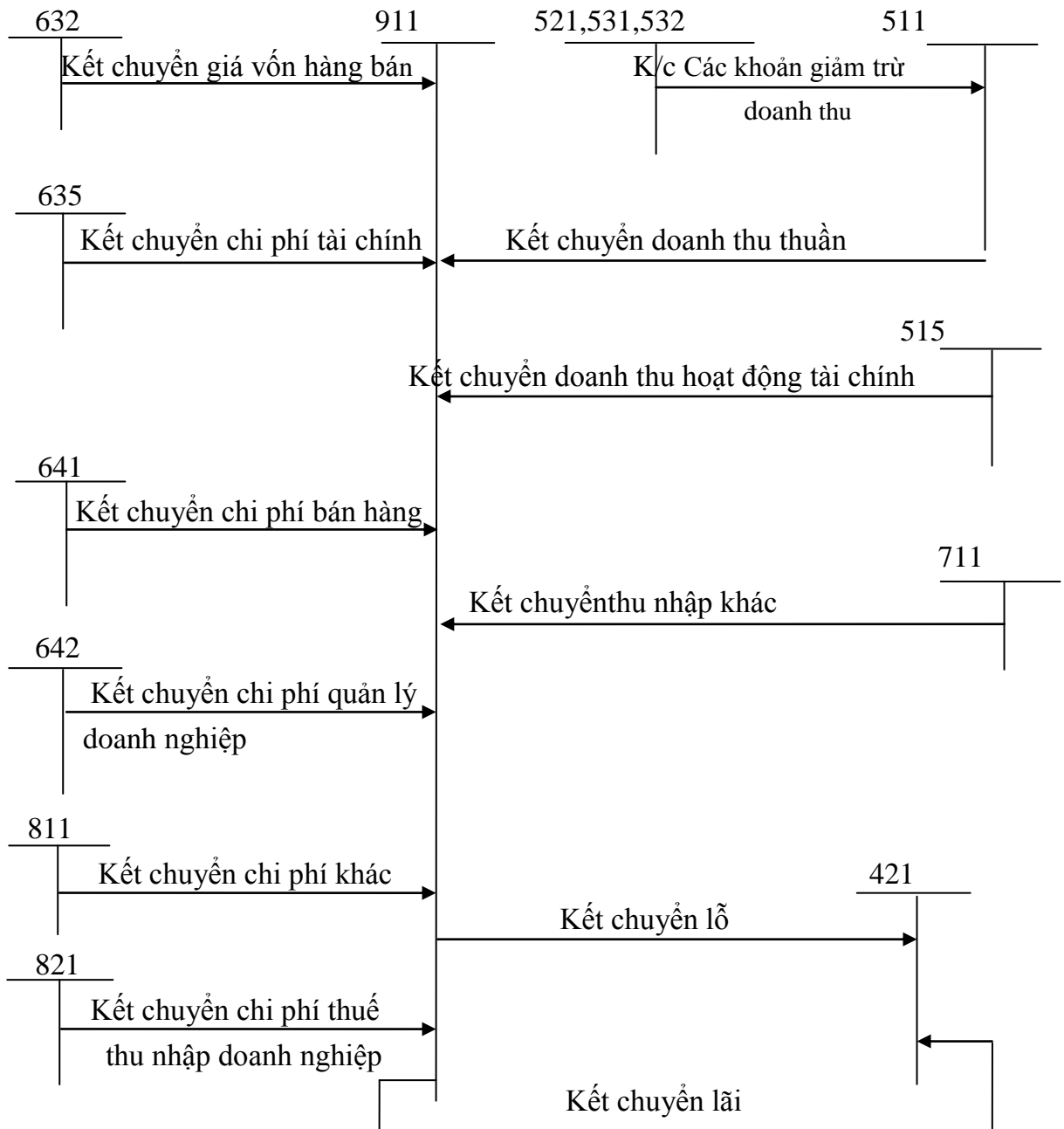
Bước 1: Tạm phân phối- định kỳ tiến hành phân phối kế hoạch.

Bước 2: Phân phối chính thức: khi báo cáo quyết toán năm được duyệt.

\* Phương pháp hạch toán: Quy trình kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Biểu số 5:**

**Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



### 1.2.2.1 . Kế toán giá vốn hàng tiêu thụ và chi phí

#### 1.2.2.1.1 Kế toán giá vốn hàng tiêu thụ

##### 1) .Kế toán chi tiết.

##### **Chứng từ sử dụng:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- + Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

##### **Tài khoản sử dụng:**

- a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên;
  - + Nội dung kết cấu của tài khoản
  - Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ

Kết cấu nội dung tài khoản 632:

##### **Bên nợ:**

- + Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ;

+ Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

**Bên có:**

+ Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ;

+ Kết chuyển giá vốn hàng hoá vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

*Tài khoản 632 không có số dư*

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155, 156, 157, 159, 911

b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

+ Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hoá tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu

- Tài khoản 6112: mua hàng hoá;

Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”.

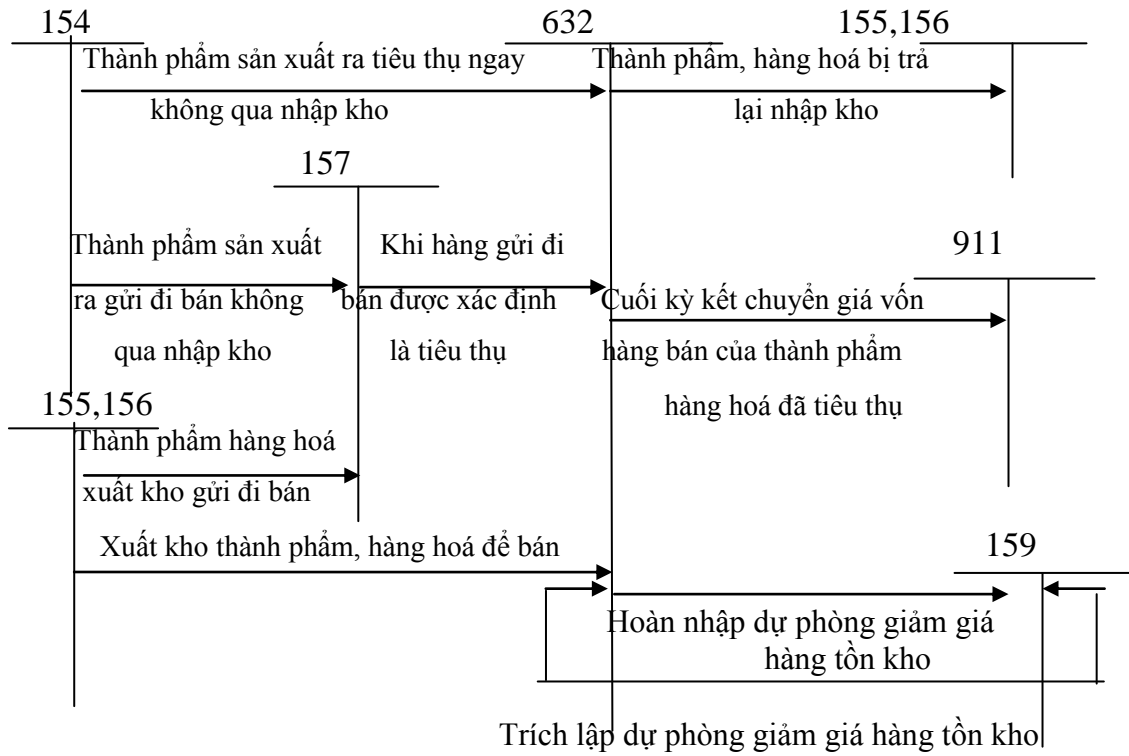
## **2) Kế toán tổng hợp**

Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thương xuyên được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 6:**

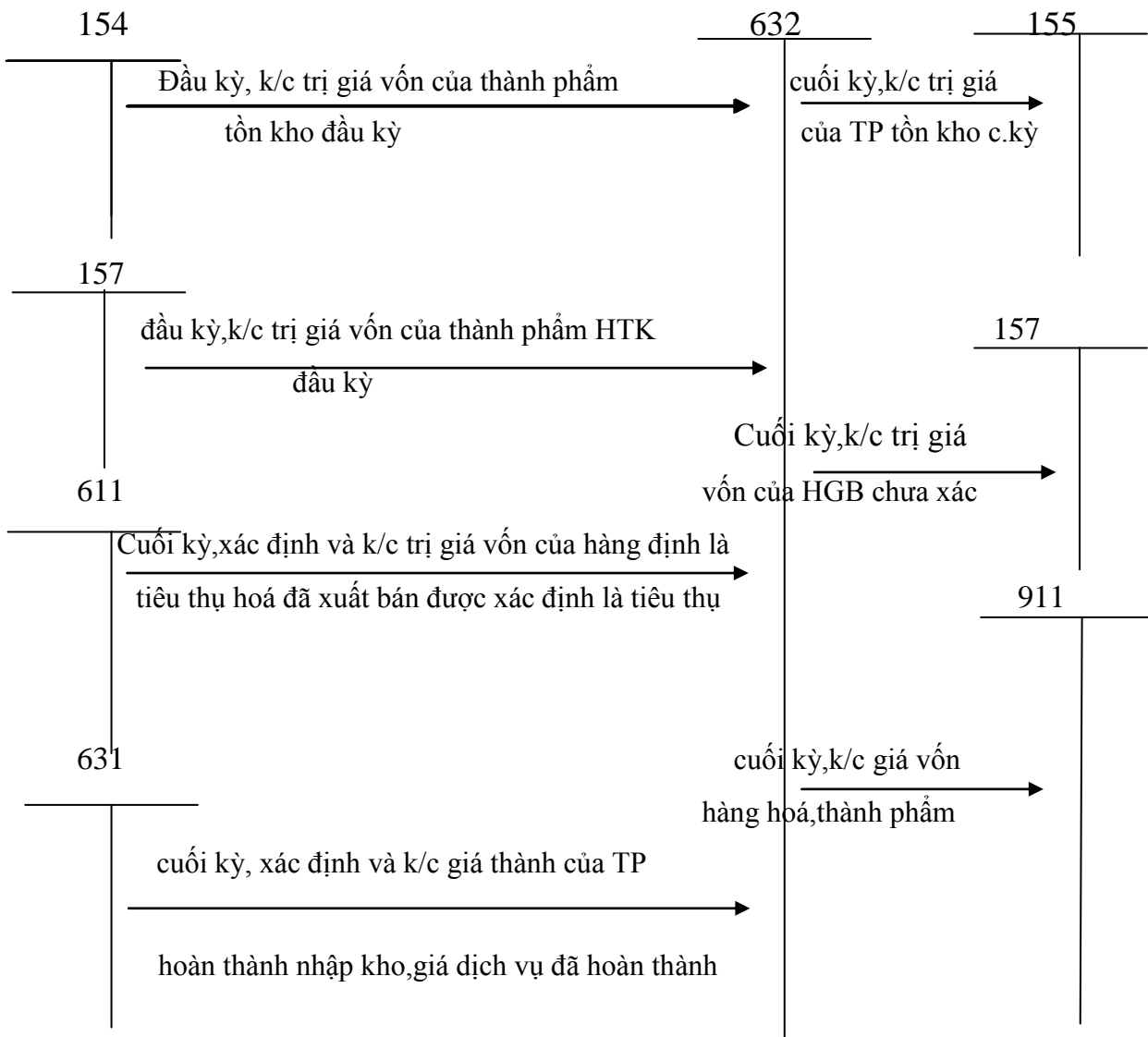
**Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 7:**

**Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**





### 1.2.2.1.2 Kế toán chi phí bán hàng

#### 1) Kế toán chi tiết

Trong kế toán tài chính, phục vụ yêu cầu cung cấp thông tin kế toán, CPBH thực tế phát sinh trong kỳ được phân loại và tập hợp theo các yếu tố chi phí. Cuối kỳ, kế toán CPBH cần được phân bổ và kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Việc phân bổ và kết chuyển chi phí này tùy vào từng loại hình DN và đặc điểm SXKD.

- Đối với DN thương mại, dịch vụ: Trường hợp có dự trữ hàng hóa biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ CPBH cho hàng tồn cuối kỳ, tức là chuyển một phần CPBH thành "Chi phí chờ kết chuyển" và phần CPBH còn lại phân bổ cho hàng đã được bán trong kỳ để xác định kết quả. CPBH phân bổ cho hàng bán ra được tính theo công thức sau:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng đã bán} = \frac{\text{CPBH cần phân bổ đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ của hàng xuất bán trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ}} \times \text{Tiêu chuẩn phân bổ của hàng đã xuất bán trong kỳ}$$

- Tiêu thức phân bổ lựa chọn là trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán.

- "Hàng tồn cuối kỳ": Đối với DN sản xuất là trị giá vốn thực tế của thành phẩm tồn kho cuối kỳ và hàng gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 155, 157).

- Đối với DN sản xuất là trị giá vốn thực tế của hàng tồn kho cuối kỳ, hàng mua còn đang đi đường cuối kỳ và hàng hóa gửi đi bán chưa được tiêu thụ cuối kỳ (số dư TK 151, 155, 157).

**Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL )
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT)
- Các chứng từ có liên quan

**Tài khoản kế toán sử dụng**

Kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng, để tập hợp và kết chuyển CPBH thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

*TK 641 được mở chi tiết 7 TK cấp 2:*

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

**Bên nợ:**

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế PS trong kỳ

**Bên có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng
  - Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ
- TK 641 không có số dư cuối kì.

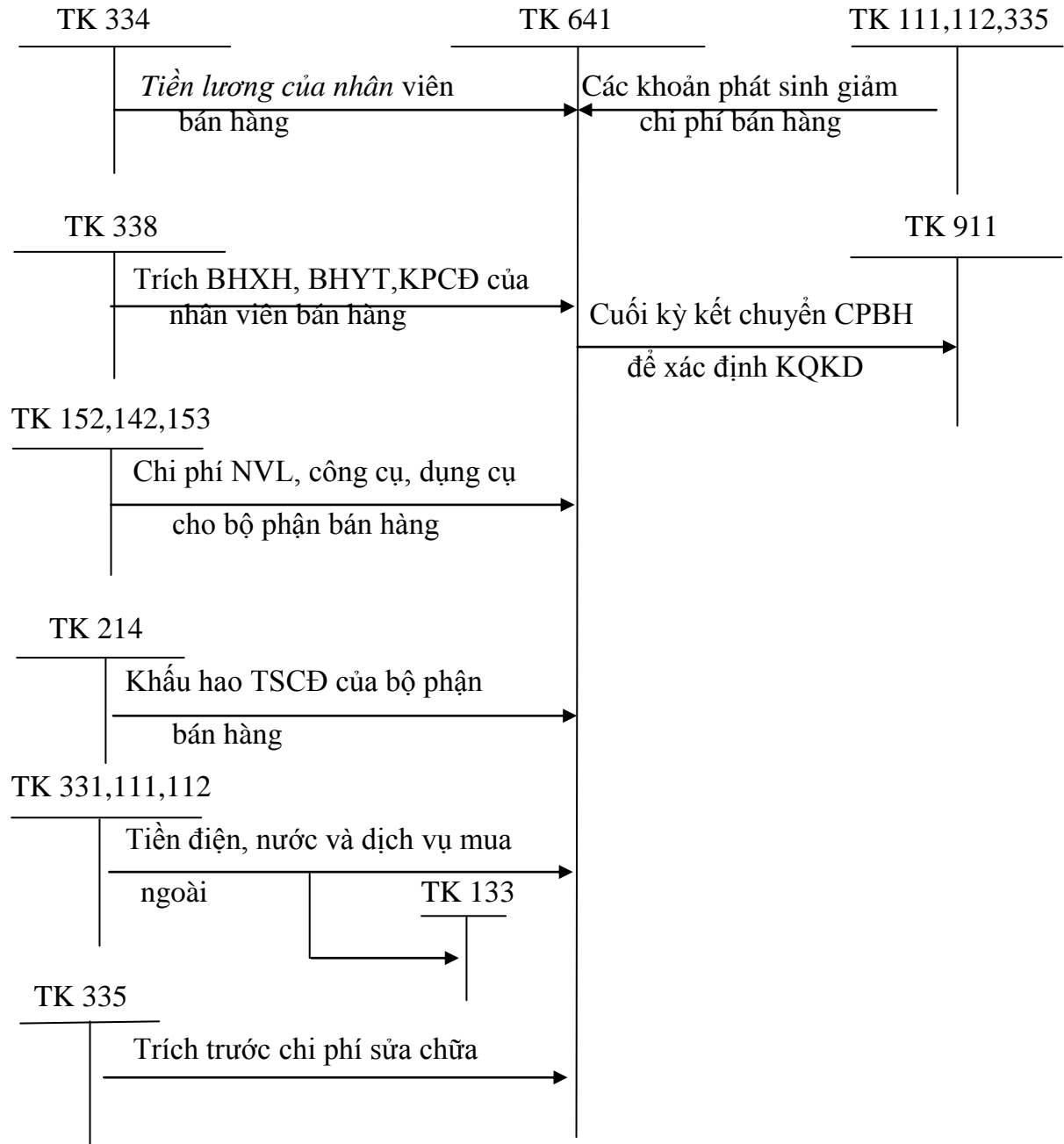
**2) Kế toán tổng hợp**

Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 8:**

**Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng**



### 1.2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1) Kế toán chi tiết

Chi phí QLDN là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí QLDN bao gồm nhiều loại như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối kỳ. Vì vậy, cần xác định chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ cho hợp lý.

#### Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL )
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT)
- Các chứng từ có liên quan

#### Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng TK 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp để tập hợp và kết chuyển các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của toàn DN

*TK 642 có 8 TK cấp 2:*

- TK 6421: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6421: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6421: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6421: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6421: Chi phí dự phòng
- TK 6421: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6421: Chi phí bằng tiền khác

\* Kết cấu và nội dung sử dụng:

+ Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642

*TK 642 không có số dư*

**Bên nợ:**

- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ
- Trích lập và trích lập thêm các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả

**Bên có:**

- Các khoản ghi giảm chi phí QLDN
- Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả đã trích lập lớn hơn số phải trích cho kỳ tiếp theo
- Kết chuyển chi phí QLDN để xác định kết quả kinh doanh

TK 642 không có dư

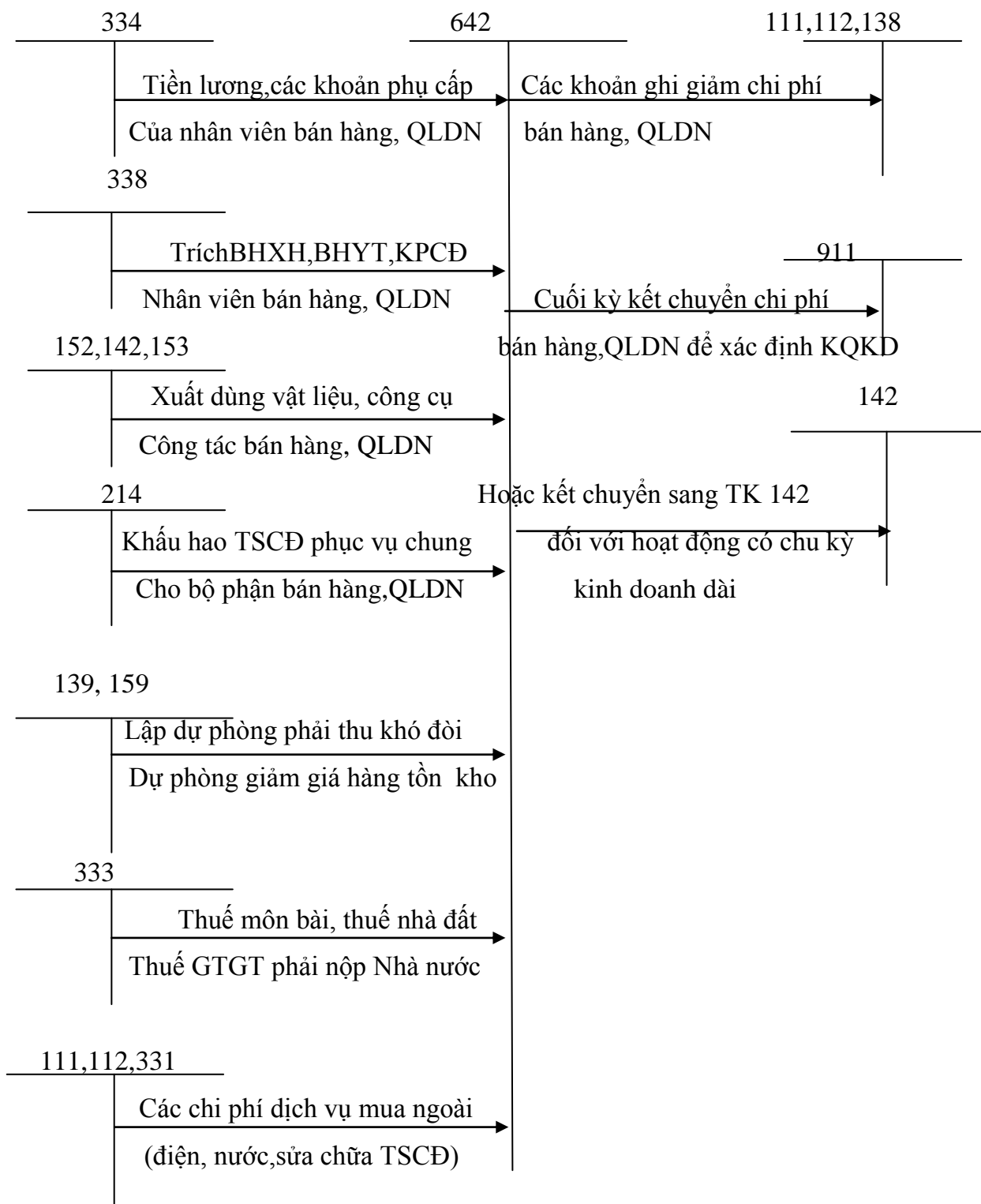
**2) .Kế toán tổng hợp**

Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 9:**

**Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và  
chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.2.2.1.4 Kế toán chi phí tài chính****1) Kế toán chi tiết****Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay ;
- Các giấy tờ liên quan khác

**Tài khoản sử dụng:**

TK 635 "Chi phí hoạt động tài chính".

Nội dung kết cấu tài khoản 635:

**Bên nợ:**

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ bán ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh ( Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

**Bên có:**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;

## **2) Kế toán tổng hợp**

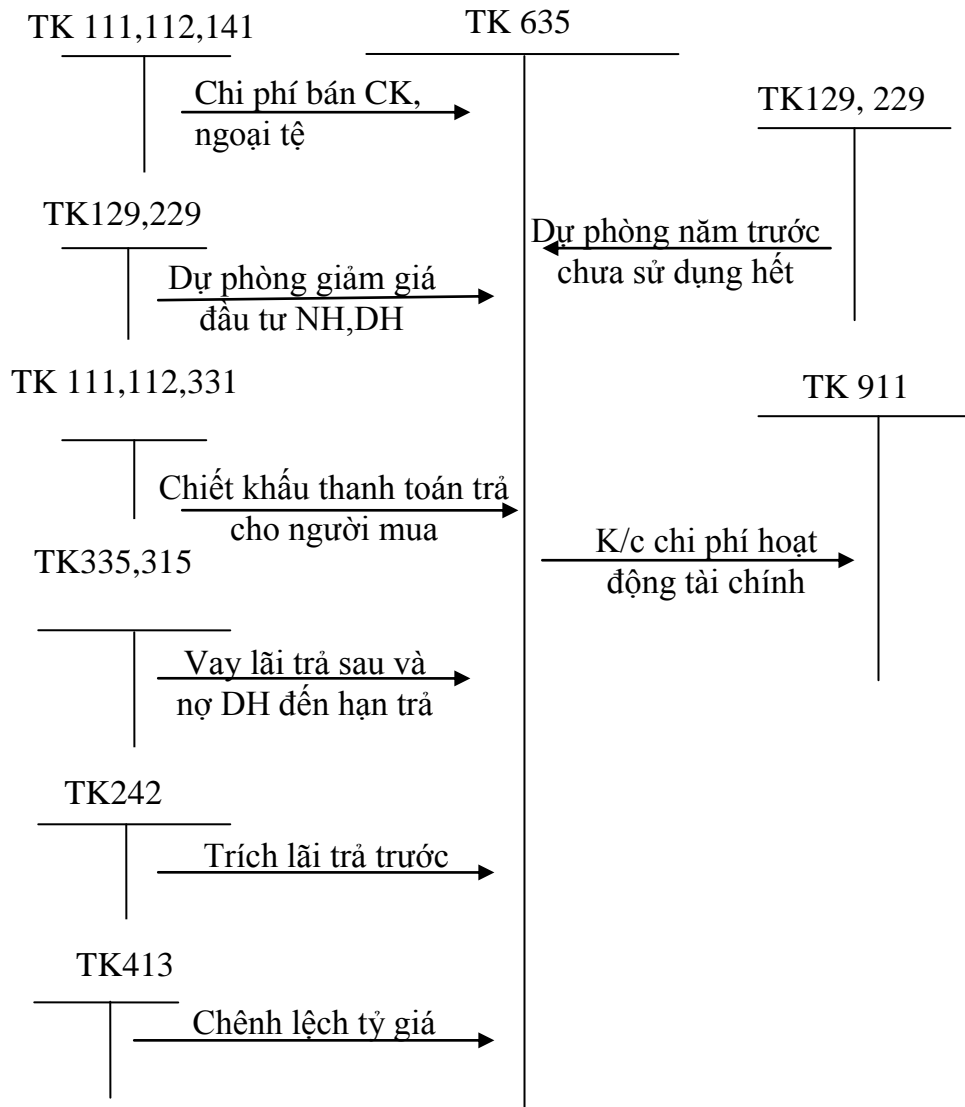
Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ như sau:



**Biểu số 10:**

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu của TK 635**



**1.2.2.1.5 Kế toán chi phí khác****1) Kế toán chi tiết**

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

**Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

**Tài khoản sử dụng :**

Tài khoản hạch toán: TK 811 "Thu nhập khác".

\* Nội dung kết cấu tài khoản 811

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

*Tài khoản này không có số dư cuối kỳ*

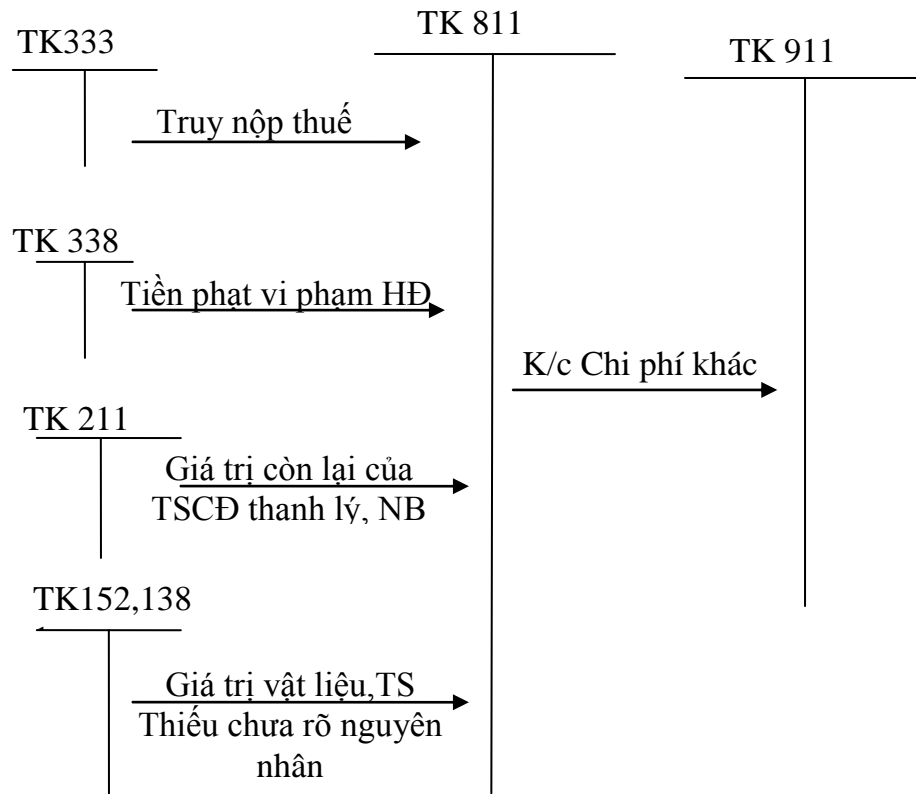
**2) Kế toán tổng hợp**

Sổ sách sử dụng: sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp.

Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ như sau:

**Biểu số 11:**

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế của TK 811**



**Chương 2****TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỆT HẰNG****2.1 KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỆT HẰNG****2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của DN TN Nguyệt Hằng**

DNTN Nguyệt Hằng được thành lập theo giấy phép số 017261-GP /TLDN 01 ngày 03/11/1999 của UBND thành phố Hải Phòng.

DN chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2000

Nghề nghiệp kinh doanh chính là : thương mại

Vốn kinh doanh là vốn tư nhân .Tính đến ngày 01/12/2010 vốn chủ sở hữu là gần 3 tỷ đồng.

DN có văn phòng tại phố Bùi Mộng Hoa , quận Kiến An , thành phố Hải Phòng

Khu nhà kho cách văn phòng 700 m

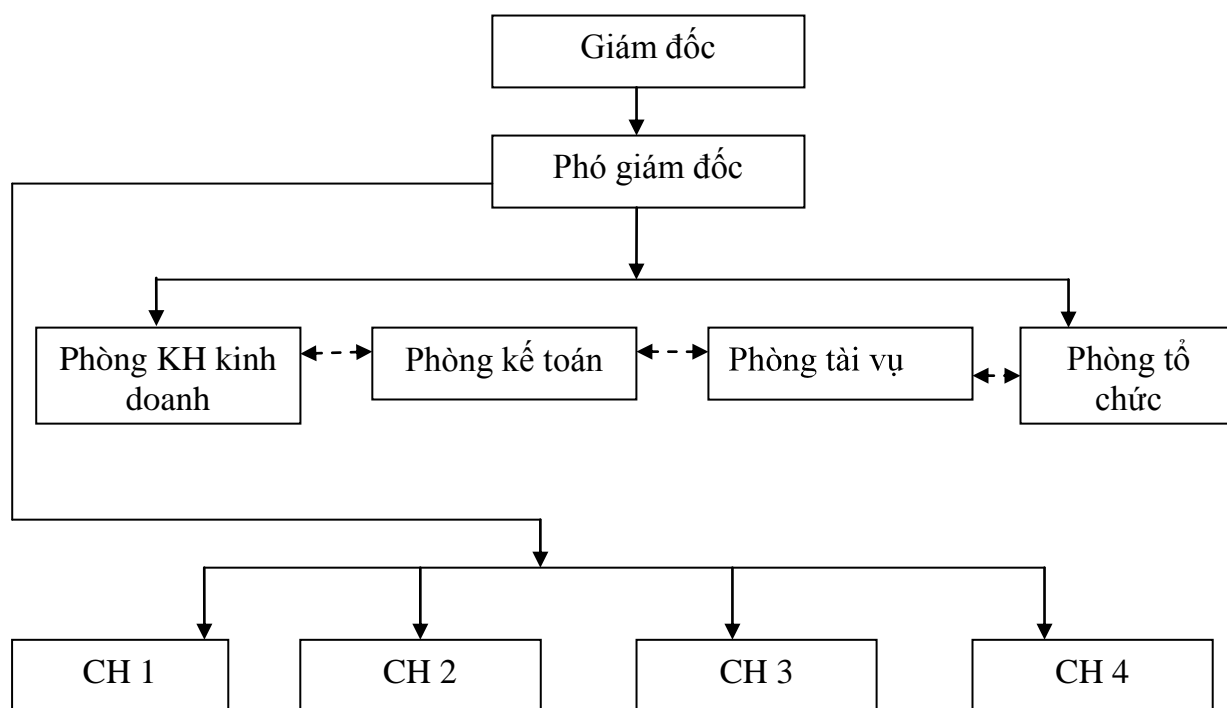
DN là tổng đại lý của một số công ty sản xuất thuốc lá trong nước do vậy mặt hàng chủ yếu kinh doanh là thuốc lá điếu các loại, ngoài ra còn một số mặt hàng khác như : bánh kẹo, bánh ngọt nhập khẩu.

Mọi hàng hóa nhập về kho DN đều thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế đã kí kết đầu năm và có điều chỉnh trong năm.

Trong quá trình hoạt động DN cũng có khi phải huy động vốn vay từ ngân hàng nhưng không diễn ra thường xuyên và thời hạn vay không lâu.

**2.1.2 Hình thức tổ chức bộ máy quản lý của DN TN Nguyệt Hằng****2.1.2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

**Biểu số 12:**



Chú thích:   
 —————> quan hệ trực tuyến.   
 <-----> Quan hệ chức năng.

**2.1.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:**

**Giám đốc:** là người đứng đầu, đại diện cho tư cách pháp nhân của công ty và là người điều hành về hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**Phó giám đốc:** là người giúp việc cho giám đốc, điều hành, quản lý và xử lý một số công việc được giám đốc ủy quyền. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công việc được giám đốc phân công.

**Phòng kinh doanh** lập kế hoạch kinh doanh báo cáo cho giám đốc, lập biểu về vật tư sản xuất, lập tiến độ sản xuất, lập kế hoạch mua sắm vật tư cho quá trình sản xuất của công ty.

**Phòng kế toán** quản lý và thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của công ty theo đúng nguyên tắc, quy định của Nhà nước và ban giám đốc của công ty. Hoàn

thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ, chứng từ. Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ lương, thưởng theo quy định. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

**Phòng tài vụ:** Chuyên quản lý về mặt tài chính

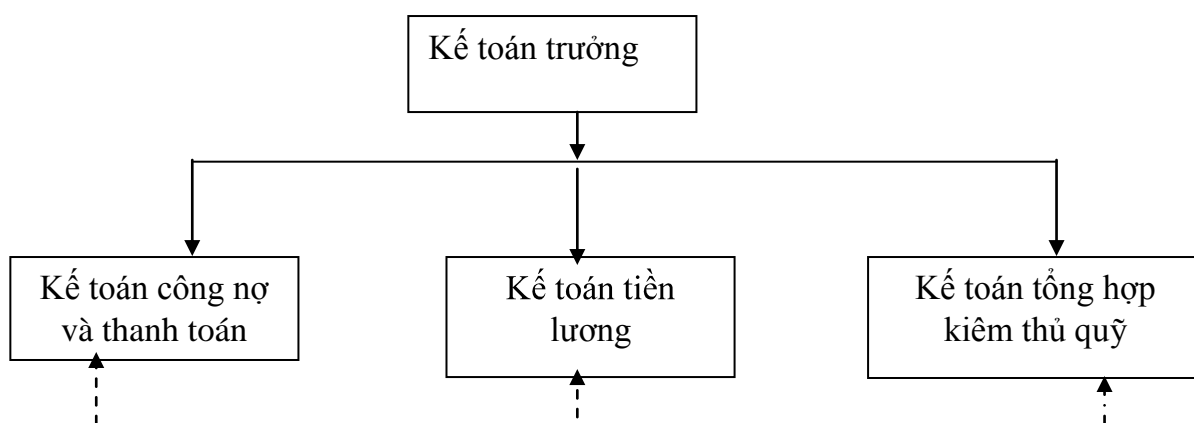
**Phòng tổ chức:** quản lý nhân sự toàn công ty, bố trí sắp xếp tổ chức kinh doanh.

Cửa hàng 1, 2, 3, 4: chuyên mua và bán các loại mặt hàng

### 2.1.3 Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của DN TN Nguyệt Hằng

#### 2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán:

**Biểu số 13:**



Chú thích:   
 —————> quan hệ chủ đạo.   
 - - - - -> Quan hệ phối hợp.

#### 2.1.3.2 . Chức năng và nhiệm vụ:

Việc tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty theo cơ cấu tổ chức trực tuyến, nghĩa là kế toán trưởng trực tiếp quản lý và điều hành các nhân viên kế toán trong phòng, không qua khâu trung gian nhận lệnh. Trong bộ máy kế toán của Công ty, được phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể:

**Kế toán trưởng:** Phụ trách chung thực hiện chức năng quản lý tài chính, kiểm tra tình hình thu chi, xử lý các chứng từ, hạch toán ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế tài chính của doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng kinh doanh, kiểm tra báo cáo quyết toán tư vấn cho giám đốc về phương hướng và sự linh hoạt các chế độ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

**Kế toán tổng hợp:** kiêm thủ quỹ có nhiệm vụ tổng hợp số liệu kế toán, lập báo cáo quyết toán thay mặt kế toán trưởng giải quyết các công việc khi kế toán trưởng đi vắng và dưới sự lãnh đạo ủy quyền của kế toán trưởng, ngoài ra kế toán tổng hợp kiêm thủ quỹ lập các bảng thanh toán lương.

**Kế toán thanh toán:** Theo dõi hạch toán chi tiết và tổng hợp, các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, thanh toán tạm ứng, tài khoản phải thu, phải trả, doanh thu bán hàng, lập bảng báo cáo doanh thu hàng tháng, tổng hợp số phát sinh vào cuối tháng, giao số liệu cho kế toán tổng hợp.

**Kế toán tiền lương:** Là người có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động, tính và trích Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định.

#### **2.1.4 Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của công ty**

##### ✦ Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”

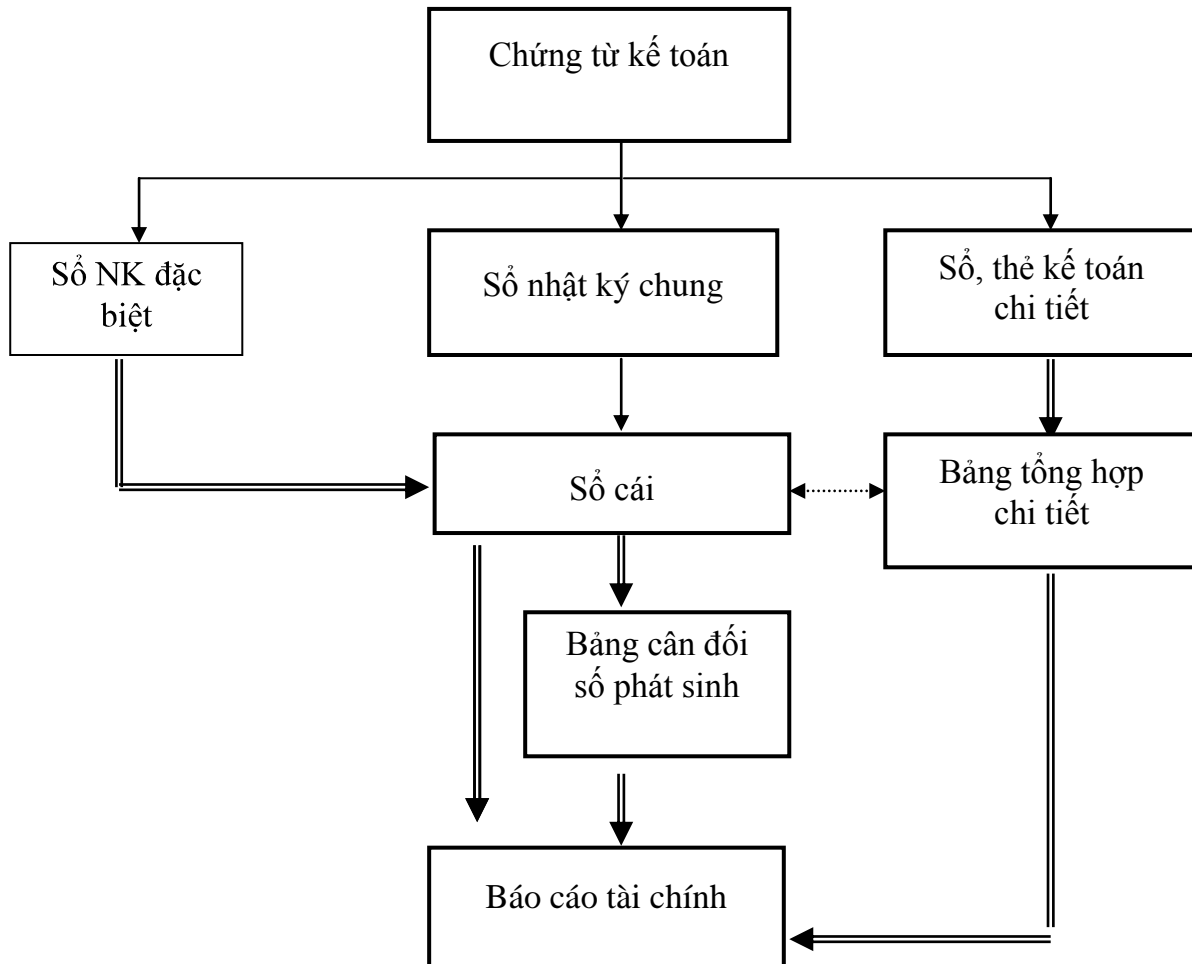
##### ✦ Các chính sách kế toán doanh nghiệp áp dụng khác :

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Tính khấu hao đường thẳng theo thông tư 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009

Hình thức kế toán Nhật ký chung của công ty được minh họa theo sơ đồ sau

**Biểu số 14:**

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN  
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔



➤ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung: Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi sổ cái.

- Sổ Cái là sổ phân loại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản .

Căn cứ ghi sổ cái là sổ nhật ký chung.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết Được dùng để theo dõi số liệu chi tiết của các đối tượng cần theo dõi chi tiết (nguyên vật liệu, phải thu khách hàng...)

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ sách :

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra , kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái các tài khoản liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản .

- Cuối tháng (quý) tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối tài khoản .

- Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản, sổ và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản làm căn cứ lập báo cáo tài chính .

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

➤ Kỳ kế toán áp dụng tại công ty

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 dương lịch.

➤ Đơn vị tiền tệ áp dụng trong công ty : VNĐ

Hệ thống sổ sách theo chuẩn mực kế toán song khi áp dụng tại DN có đôi chút thay đổi để phù hợp với hoạt động kinh doanh của DN cũng như thuận tiện cho kế toán làm báo cáo tài chính.

Các báo cáo cho cơ quan thuế gồm :

- Tờ khai thuế GTGT ( hàng tháng)
- Tờ khai thuế TNDN (hàng quý )
- Báo cáo tài chính (6 tháng /1 lần)
- Báo cáo tài chính (cả năm )
- Quyết toán thuế TNCN ( theo quy định)

DN Tư Nhân Nguyệt Hằng thực hiện đầy đủ mọi quy định của nhà nước về các chế độ báo cáo tháng, quý, năm về nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước DN luôn chấp hành đầy đủ và đúng, cho đến nay đã hơn 10 năm chưa có sai sót gì lớn.

### **2.1.5 Khó khăn và thuận lợi của Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyệt Hằng :**

#### **2.1.5.1 Khó khăn**

Doanh Nghiệp Nhân Nguyệt Hằng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên quá trình hoạt động của công ty chịu nhiều tác động của cơ chế thị trường. Khi nước ta đã gia nhập WTO doanh nghiệp nói riêng gặp nhiều khó khăn do phải tuân thủ các điều lệ thông thư của WTO đưa ra như: chống bán phá giá, đòi hỏi về mặt chất lượng sản phẩm cũng cao hơn, ...

Khó khăn về nguồn vốn, thị trường tiêu thụ,... Dẫn đến công ty đã bỏ lỡ nhiều đơn đặt hàng lớn có lợi nhuận cao...

**2.1.5.2 Thuận lợi:**

- Do nền kinh tế tăng trưởng cùng với các chính sách đầu tư mở cửa và đổi mới các thủ tục hành chính, công ty đã có được nhiều thuận lợi trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa.
- Đội ngũ nhân viên quản lý tốt, có nghiệp vụ vững vàng, được đào tạo bài bản qua trường lớp có bề dày công tác có tinh thần đoàn kết đã dần dần thích ứng được với yêu cầu khắc nghiệt của cơ chế thị trường.
- Cơ sở vật chất ổn định, cơ chế quản lý phù hợp nên đã tạo được sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi thử thách khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh.

**2.1.6 Phương hướng phát triển công ty trong những năm tiếp theo**

- Tiến hành đổi mới tổ chức quản lý kinh doanh
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phương án kinh doanh với số lượng lớn, chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại, đồng thời giữ vững và mở rộng thị trường ra các thành phố khác.
- Công ty cần tuyển dụng đội ngũ công nhân nhiệt tình với công việc nhằm nâng cao uy tín của doanh nghiệp đồng thời làm hài lòng khách đến vui lòng khách đi.
- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để mở rộng kinh doanh dịch vụ, phát huy lợi thế của mình. Để xây dựng doanh nghiệp ngày càng bền vững

**Biểu số 15:**

**Bảng một số chỉ tiêu thể hiện quá trình phát triển của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.**

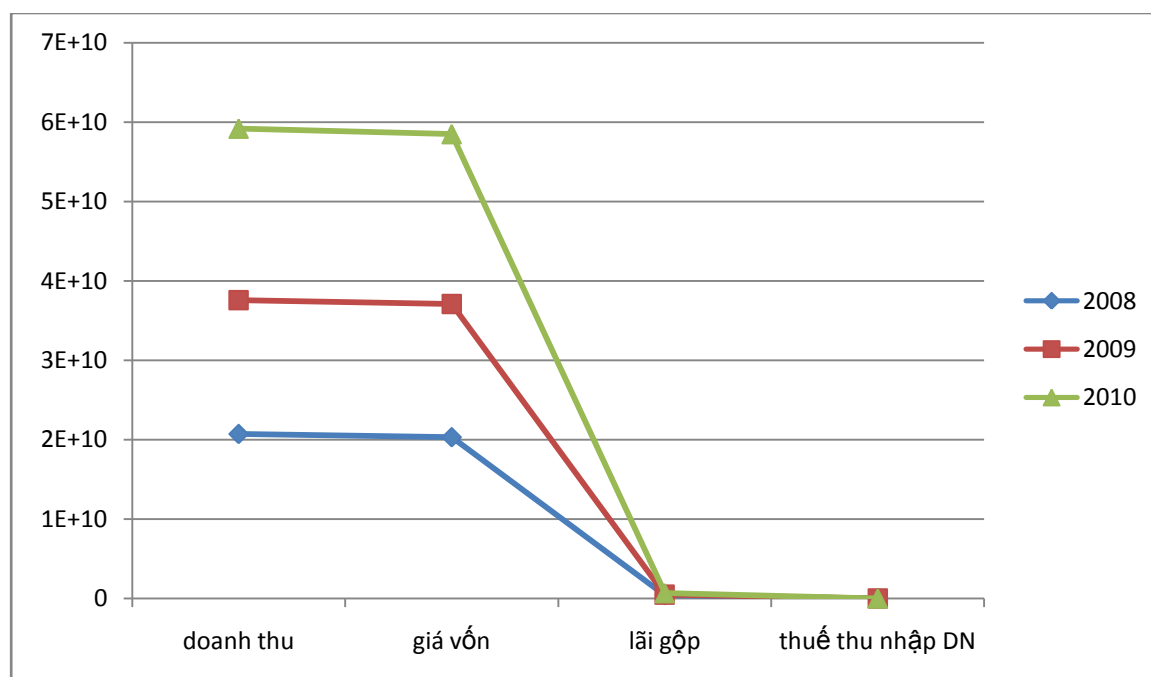
**ĐVT :VNĐ**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu bán bán hàng	20.722.375.593	37.565.416.879	59.185.446.267
Giá vốn hàng bán	20.313.207.900	37.081.286.268	58.495.914.278
Lãi gộp	409.167.693	484.130.611	689.531.989
Thuế thu nhập DN	12.435.599	9.841.806	23.932.665

( nguồn dữ liệu : BCKQKD năm 2009,2010)

**Biểu số 16:**

**Đồ thị thể hiện quá trình phát triển của doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng qua 3 năm vừa qua.**



Kết thúc năm 2009, DN Tư Nhân Nguyệt Hằng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng doanh thu bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ liên tục tăng năm 2008 là 20.722.375.593 VNĐ đến năm 2009 là 37.565.416.879 VNĐ tăng 81,1% Tiếp tục đến năm 2010 doanh số đạt được là 59.185.466.267 VNĐ tăng 57,6 % và hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

DN Tư Nhân Nguyệt Hằng trong những năm qua hoạt động khá ổn định,

Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong những năm qua cho thấy sự đi lên rõ rệt. Hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp góp phần quan trọng trong việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng tại các địa bàn có các cửa hàng đại lý bán lẻ hợp đồng với Công ty.

**2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

**Biểu số 17:**

**Bảng chỉ tiêu doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp tư nhân  
Nguyệt Hằng.**

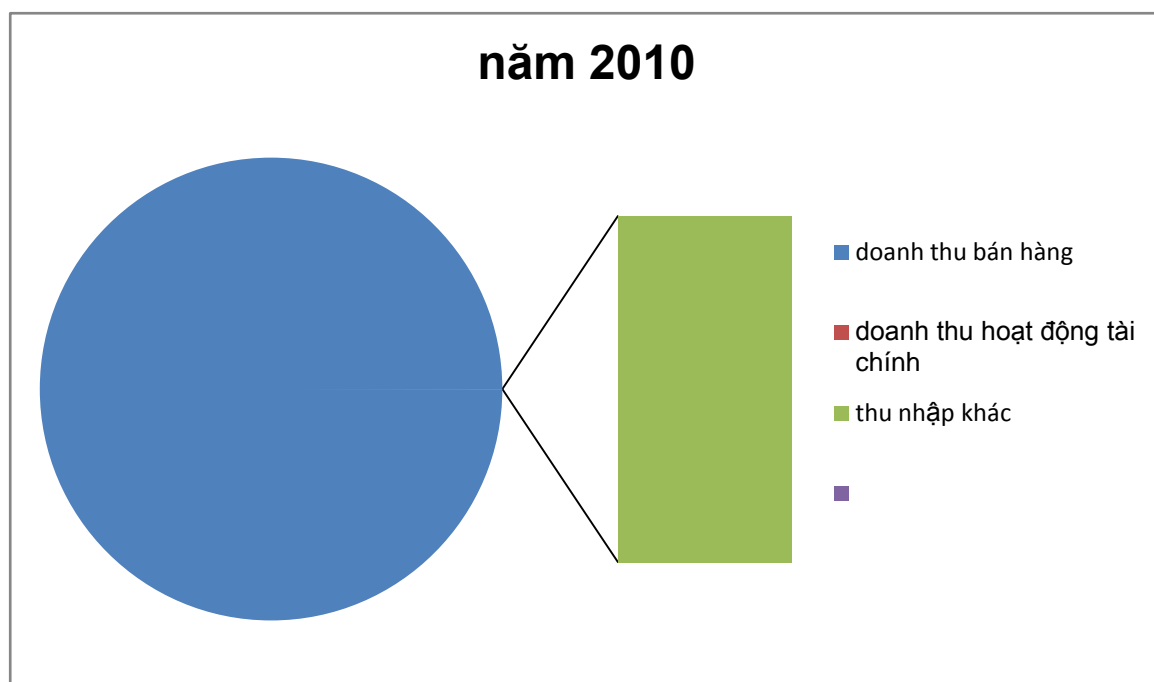
**ĐVT: VND**

Chỉ tiêu	Năm 2010
Doanh thu bán bán hàng	59.185.446.267
Doanh thu hoạt động tài chính	0
Thu nhập khác	5.382.944

( nguồn dữ liệu : BCKQKD năm 2010)

**Biểu số 18:**

**Biểu đồ cơ cấu doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp tư nhân  
Nguyệt Hằng.**



**2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại****Doanh nghiệp:**

\* Nội dung: Do mô hình hoạt động của công ty là thương mại chủ yếu là kinh doanh thuốc lá và các mặt hàng bánh kẹo. Doanh nghiệp nhập nguồn hàng từ các công ty sản xuất và bán lại cho các nhà bán lẻ. Nên doanh thu chính của công ty là

- Doanh thu về kinh doanh thuốc lá
- Doanh thu về kinh doanh các mặt hàng bánh kẹo

Mô hình của doanh nghiệp nhỏ nên không có cấp trên cấp dưới nên không có doanh thu nội bộ

Hình thức thanh toán của công ty chủ yếu là bằng tiền mặt và bằng tiền gửi ngân hàng. Các khách hàng lớn của doanh nghiệp cũng không được nợ quá 3 tháng, sau 3 tháng Công ty sẽ tính theo lãi suất ngân hàng, còn khách lẻ thì hầu hết thanh toán bằng tiền mặt

**\* Chứng từ sử dụng**

Các chứng từ được sử dụng để ghi nhận doanh thu tại công ty:

- + Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- + Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02GTGT-3LL)
- + Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- + Giấy báo có
- + Bảng thanh toán tiền hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01-BH)
- + Thẻ quỳ hàng (Mẫu số 02-BH)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- + Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ.

**\* Tài khoản sử dụng**

\* Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

\* Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan khác: TK 131, 111, 112, 3331,...

**\* Phương pháp hạch toán**

- Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm bên mua đã nhận hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Để hạch toán doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra kế toán sẽ căn cứ vào số tiền khách hàng chấp nhận thanh toán ở hóa đơn GTGT. Kế toán sử dụng các sổ sách sau để theo dõi: Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 511, 3331, 111, 112, 131,...ngoài ra kế toán còn ghi vào sổ chi tiết thanh toán với người mua.

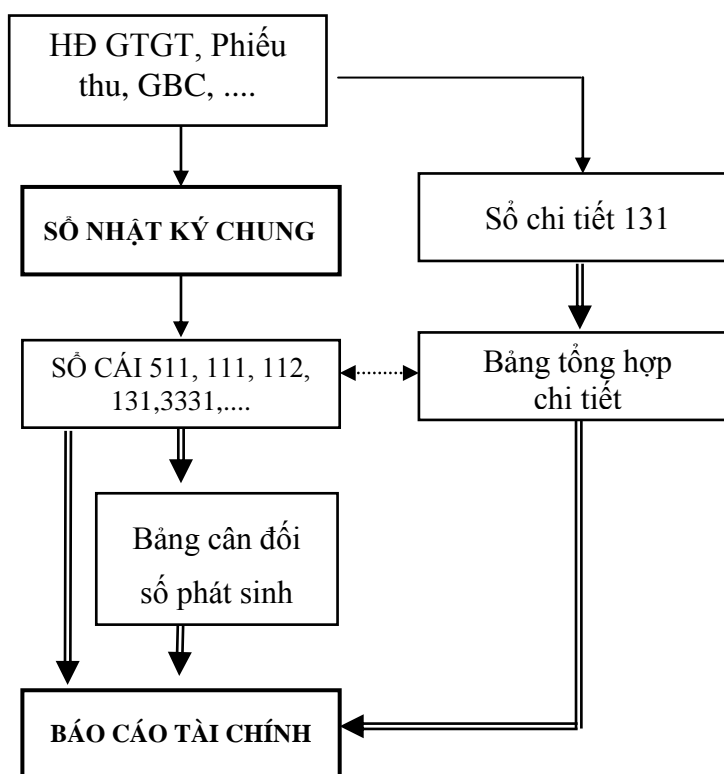
- Sau khi giao hóa đơn GTGT, kế toán sẽ ghi vào bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra, bảng kê hoá đơn chứng từ này có tác dụng để theo dõi thuế GTGT đầu ra của doanh nghiệp.

- Do công ty không áp dụng các chính sách giảm giá hàng bán hay chiết khấu thương mại vì vậy công ty không hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu và doanh thu thuần trong kỳ được xác định chính là doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.



**Biểu số19:**

**Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Tuy nhiên tại doanh nghiệp Tư nhân Nguyệt Hằng các khách hàng chủ yếu là những nhà bán lẻ, nhập hàng tại doanh nghiệp và bán trực tiếp đến tay người tiêu dùng, nên hình thức thanh toán là tiền mặt, và thường thanh toán ngay khi giao hàng

**Ví dụ**

**Ngày 15/10 DN bán hàng cho nhà bán lẻ thu tiền mặt, tổng tiền hàng : 5.822.727 VNĐ( chưa có VAT 10% ), bao gồm các mặt hàng : Kẹo Etra hũ TH, Kẹo Etra TH 50 và Kẹo sugum TH bịch**

**Biểu số 20:**

**HÓA ĐƠN GIÁ  
TRỊ GIA TẶNG**

Liên 3( lưu hành nội bộ)  
Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Mẫu số:01GTKL -  
3LL  
AL/2004B  
00498020

Đơn vị bán hàng : DN tư nhân Nguyệt Hằng  
Địa chỉ : số 2 Bùi Mộng Hoa – Kiến An - HP  
Số tài khoản :  
Họ tên người mua hàng : Nguyễn thị Lý  
Tên đơn vị :  
Địa chỉ : Số 240 - Trần Thành Ngọ- Kiến An- HP  
Số tài khoản :  
Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
A	B	C	1	2	3 = 2 * 1
1	Kẹo Etra hũ TH	Thùng	1	1.736.364	1.736.364
2	Kẹo Etra TH 50	Thùng	1	2.190.909	2.190.909
3	Kẹo sugum THbịch	Thùng	3	631.818	1.895.454

Cộng tiền hàng 5.822.727

Thuế suất: 10% Tiền thuế GTGT 582.272

Tổng cộng tiền thanh toán 6.404.999

**Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng chẵn.**

NGƯỜI MUA HÀNG    NGƯỜI BÁN HÀNG    THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**Biểu số 21:**

**Đơn vị:** Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng  
**Địa chỉ:** số 2 Bùi Mộng Hoa, Kiến An, HP

**PHIẾU THU          Số 127/03**

*Ngày 15 tháng 10 năm 2010*

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Kim Vinh

Địa chỉ                       :     Phòng tài vụ

Lý do nộp                   :     thu tiền hàng

Số tiền                       :     6.404.999     ( viết bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng chẵn.)

Kèm theo ..... Chứng từ gốc .....

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

**Thủ trưởng đơn vị     Kế toán trưởng     Người lập     Thủ quỹ     Người nhận tiền**

**Biểu số 22:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng  
Địa chỉ:.....

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2010

**ĐVT: VNĐ**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			305.879.037.250	305.879.037.250
		.....				
PX154/03	15/10	Xuất bán	632		5.222.727	
				156		5.222.727
HĐ00498020	15/10	Bán hàng thu tiền mặt	1111		<b>6.404.999</b>	
		Doanh thu bán hàng		511		<b>5.822.727</b>
		Thuế GTGT đầu ra		3331		<b>582.272</b>
		.....				
		- Cộng chuyển trang sau			315.469.126.012	315.469.126.012
		- Cộng lũy kế			<b>458.249.595.738</b>	<b>458.249.595.738</b>

(Nguồn dữ liệu : trích sổ Nhật kí chung năm 2010 )

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 23:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**

**Địa chỉ:.....**

**Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu TK: 511

Năm 2010

**ĐVT:**

**VNĐ**

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b><u>SDDK</u></b>			
		<b>Số phát sinh</b>			
		.....			
15/10	HD00498017	Bán lẻ hàng hoá	111		36.251.000
15/10	HD00498018	Bán lẻ hàng hoá	111		12.584.500
15/10	HD00498019	Bán lẻ hàng hoá	111		31.685.000
<b>15/10</b>	<b>HD00498020</b>	<b>Bán lẻ hàng hoá</b>	<b>111</b>		<b>5.822.727</b>
		.....			
31/12	PKT04/10	Kết chuyển sang 911	911	59.185.446.267	
		<b>Cộng phát sinh</b>		59.185.446.267	59.185.446.267
		<b><u>SDCK</u></b>			

(Nguồn dữ liệu : trích sổ cái TK 511 năm 2010 )

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)  
tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ

**Biểu số 24:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng

Địa chỉ :số 2 Bùi Mộng Hoa- Kiến An- HP

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản:tiền mặt

Số hiệu TK: 111

Năm 2010

**DVT:VND**

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b>SDDK</b>		<b>20.022.374</b>	
		Số phát sinh			
		.....			
15/10	PT124/03	Bán lẻ hàng hoá	511	36.251.000	
	HD00498017	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.625.100	
15/10	PT125/03	Bán lẻ hàng hoá	511	12.584.500	
	HD00498018	Thuế GTGT đầu ra	3331	1.258.450	
15/10	PT126/03	Bán lẻ hàng hoá	511	31.685.000	
	HD00498019	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.168.500	
<b>15/10</b>	<b>PT127/03</b>	<b>Bán lẻ hàng hoá</b>	<b>511</b>	<b>5.822.727</b>	
	<b>HD00498020</b>	<b>Thuế GTGT đầu ra</b>	<b>3331</b>	<b>582.272</b>	
15/10	PC144/03	Chi tiền điện	642		359.970
			133		35.997
		.....			
		<b>Cộng phát sinh</b>		68.951.195.198	68.964.919.534
		<b>SDCK</b>		<b>6.298.038</b>	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**2.2.1.1 . Kế toán doanh thu tài chính**

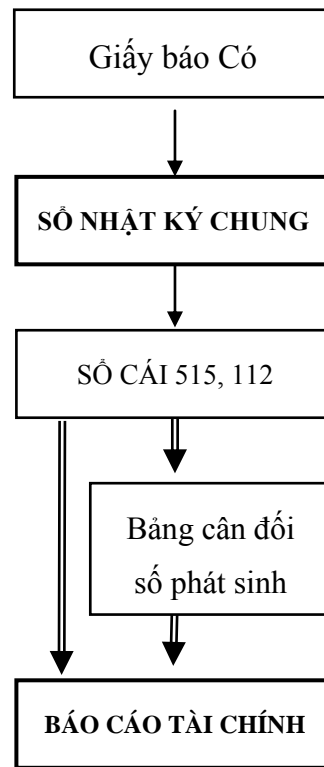
Doanh thu hoạt động tài chính của công ty cổ phần thương mại kỹ thuật điện và dịch vụ công nghiệp An Thịnh chỉ bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

- **Chứng từ sử dụng:** Giấy báo Có của ngân hàng
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515, 112.

**Biểu số 25:**

**Quy trình ghi sổ doanh thu tài chính**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

**Biểu số 26:**

NGÂN HÀNG TECHCOMBANK  
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

MÃ GDV: LÊ THỊ BÍCH VÂN  
MÃ KH : 10355  
SỐ GD : 089

## GIẤY BẢO CỐ

Ngày 30/10/2010

Kính gửi : DNTN NGUYỆT HẰNG  
Mã số thuế: 02000371932

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CỐ: 3409529

Số tiền bằng số: 222.626

Số tiền bằng chữ: hai trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng chẵn.

Nội dung: lãi nhập gốc

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT



**Biểu số 27**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**  
**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S03a-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-**  
**BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng**  
**BTC**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

**DVT: VND**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			375.589.236.203	375.589.236.203
		.....				
BC276145	30/10	Nhập lãi tiền gửi ngân	112		222.626	
		Hàng TECHCOMBANK tháng 10		711		222.626
		.....				
		- Cộng chuyển trang sau			375.879.037.250	375.879.037.250
		- Cộng lũy kế			458.249.595.738	458.249.595.738

(Nguồn dữ liệu : trích sổ Nhật kí chung năm 2010 )

Về mặt nguyên tắc lãi tiền gửi ngân hàng phải được hạch toán vào tài khoản 515 (doanh thu hoạt động tài chính ) nhưng trong hệ thống tài khoản kế toán tại doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng sử dụng lại đưa lãi tiền gửi ngân hàng vào tài khoản 711( thu nhập khác ). Sau đây em xin dẫn sổ cái TK 711 minh họa

**Biểu số 28:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**

**Địa chỉ:.....**

**Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC**

**SỔ CÁI**  
Tên tài khoản: Thu nhập khác  
Số hiệu TK: 711  
Năm 2010

**ĐVT:**

**VNĐ**

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ U	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b><u>SDDK</u></b>			
		<b>Số phát sinh</b>			
30/1	BC00478	Techcombank trả lãi	112		245.679
28/2	BC10568	Techcombank trả lãi	112		348.328
30/3	BC17895	Techcombank trả lãi	112		569.413
29/4	BC20459	Techcombank trả lãi	112		394.474
		.....			
<b>30/10</b>	<b>BC276145</b>	<b>NH trả lãi tiền gửi</b>	<b>112</b>		<b>222.626</b>
		.....			
31/12	PKT04/10	Kết chuyển sang 911	911	5.382.944	
		<b>Cộng phát sinh</b>		5.382.944	5.382.944
		<b><u>SDCK</u></b>			

(Nguồn dữ liệu : trích sổ cái TK 711 năm 2010 )

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**2.2.2 .Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**

**2.2.2.1 Kế toán chi phí**

**Biểu số 29:**

**Bảng chỉ tiêu cơ cấu chi phí tại doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.**

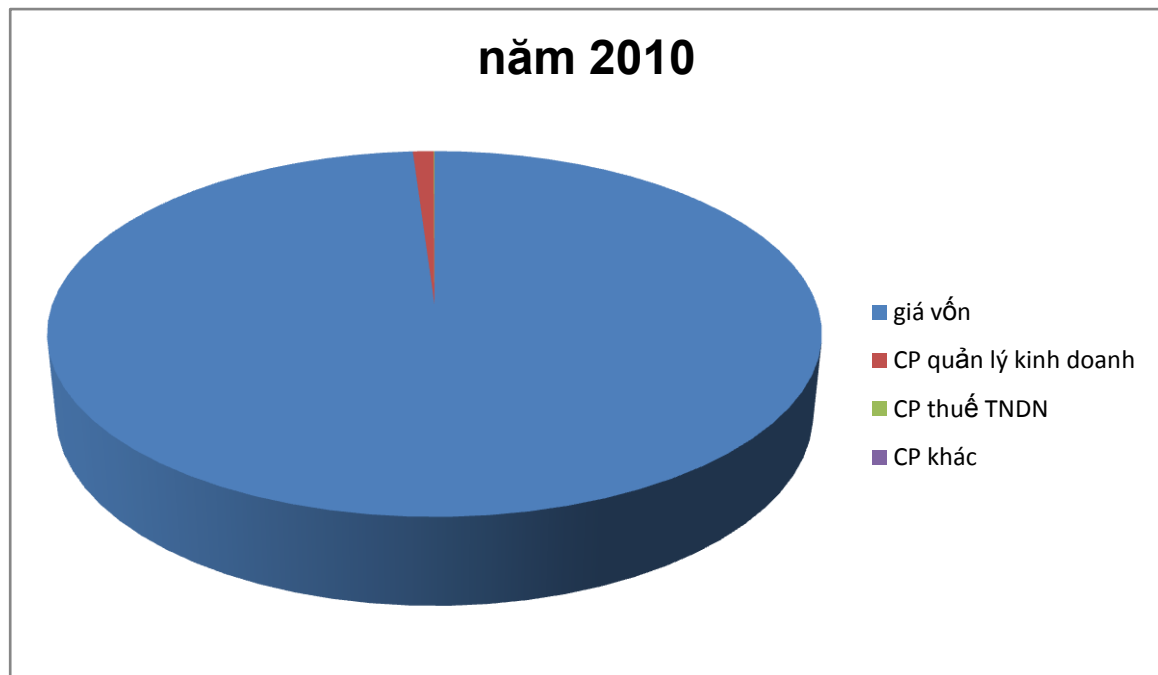
**ĐVT : VNĐ**

Chỉ tiêu	Năm 2010
Giá vốn bán hàng	58.495.914.278
Chi phí quản lý kinh doanh	599.184.273
Chi phí thuế TNDN	23.932.665
Chi phí tài chính, chi phí khác	0

( nguồn dữ liệu: BCKQKD2010)

**Biểu số 30:**

**Biểu đồ cơ cấu chi phí tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**



### 1) Kế toán giá vốn hàng bán

- Trong kinh doanh thương mại, khối lượng hàng hoá cho luân chuyển chủ yếu là mua ngoài, các trường hợp nhập khác là không đặc trưng và rất thưa thớt. Hàng hoá mua được thực hiện theo nhiều phương thức: Giao nhận và thanh toán, mua trực tiếp, mua theo phương thức gửi hàng, theo hợp đồng cung cấp, mua theo phương thức đặt hàng... Số tiền hàng mua được thanh toán trên cơ sở hoá đơn và hợp đồng ký kết bằng cách: Trả trước (tạm ứng, đặt cọc...), trả ngay và trả chậm hoặc bù trừ.

Giá thực tế hoặc giá nhập bán thực tế của hàng hoá mua bao gồm:

+ Giá mua ghi trên hoá đơn - nếu có giảm giá sau khi mua được hưởng sẽ giảm giá mua và nợ phải trả cho nhà cung cấp và không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

+ Các chi phí thu mua hàng hoá khác như vận chuyển, bốc dỡ, dịch vụ phí, lệ phí kho bãi... do doanh nghiệp chịu trách nhiệm chi trả theo thoả thuận.

+ Các loại thuế không được hoàn lại (*nếu có*)

Giá thực tế hàng hoá nhập	=	Giá mua hàng hoá ( <i>giá hoá đơn</i> )	+	Chi phí thu mua khác	+	Các loại thuế phải nộp không được hoàn lại	-	Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua được hưởng
---------------------------	---	---	---	----------------------	---	--	---	---

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì vật liệu, hàng hóa nào về nhập trước thì sẽ được xuất ra trước. Xuất hết phần vật liệu, hàng hóa nhập trước mới tính đến phần vật liệu hàng hóa nhập sau.

\* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu xuất kho

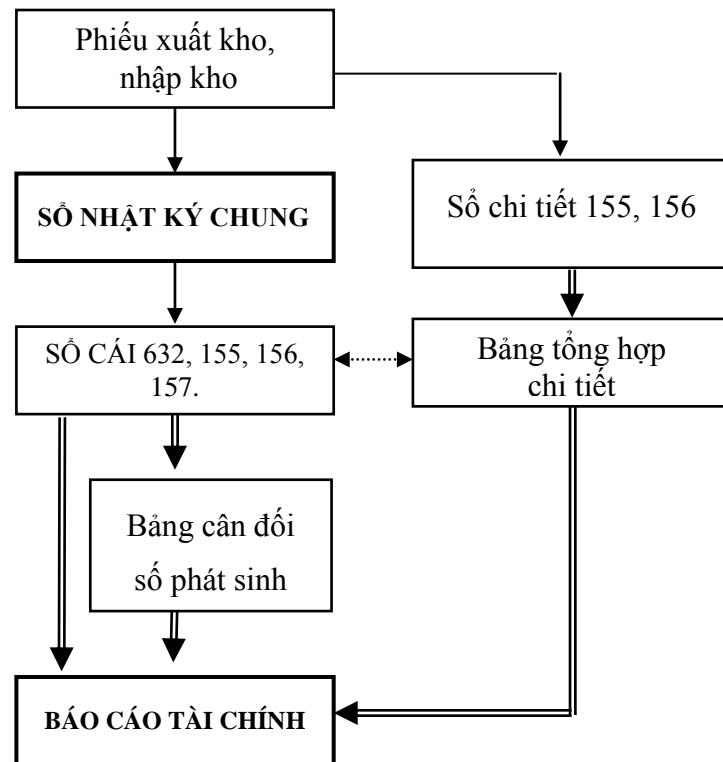
\* **Tài khoản sử dụng:**

+ Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.

+ Các tài khoản liên quan khác: 155, 156, 157.

**Biểu số 31:**

**Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

**Ví dụ:**

**Ngày 14/10/2010 Dn thực hiện nghiệp vụ bán hàng cho đơn vị bán lẻ tổng trị giá hàng hóa ( cả thuế VAT ) là : 4.518.030**

**DN thu tiền mặt.**

**Biểu số 32 :**

**Đơn vị:** Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng

**Địa chỉ:** số 2 Bùi Mộng Hoa, Kiến An, HP

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 14 tháng 10 năm 2010

Số: 149/03

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Diễm

Lý do xuất kho : xuất bán

Nhập tại kho : Kho CK\_1

STT	TÊN HÀNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
			THEO Y.cầu	THỰC XUẤT			
A	B	C	1	2	3	4 = 3*2	5
1	Phù Đồng	Bao	100	100	4.050	405.000	
2	White	Bao	250	250	12.140	3.035.000	
3	Taipan	Bao	100	100	5.273	527.300	
	Tổng					3.967.300	

**Tổng số tiền (viết bằng chữ) : ba triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm đồng chẵn.**

Ngày 14 tháng 10 năm 2010

**Người lập**

**Người nhập hàng**

**Thủ kho**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng đơn vị**

**Biểu số 33:**

Mẫu số S03a-DN

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng  
Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2010

**DVT: VNĐ**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			315.589.236.203	315.589.236.203
		.....				
PX149/03	14/10	Xuất bán lẻ	632		<b>3.967.300</b>	
				<b>156</b>		<b>3.967.300</b>
HĐ00498002	14/10	Thu tiền bán hàng	1111		4.518.030	
		Doanh thu		511		4.107.300
		Thuế GTGT phải nộp		3331		410.730
		.....				
		- Cộng chuyển trang sau			315.879.037.250	315.879.037.250
		- Cộng lũy kế			458.249.595.738	458.249.595.738

(Nguồn dữ liệu : trích sổ Nhật kí chung năm 2010 )

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 34:**

**Đơn vị:** Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng

**Mẫu số** S03b –DN

**Địa chỉ:** số 2 Bùi Mộng Hoa, Kiến An, HP

**(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ –BTC**

**ngày 20 /3/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CÁI**

Tên TK : giá vốn hàng bán

Số hiệu :632

**Năm 2010**

**DVT:**

**VNĐ**

Chứng từ		Diễn Giải	TK Đ Ư	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b><u>SDDK</u></b>			
		Số phát sinh			
		.....			
<b>14/10</b>	<b>PX149/03</b>	<b>Xuất bán lẻ</b>	<b>156</b>	<b>3.967.300</b>	
14/10	PX150/03	Xuất bán lẻ	156	15.469.000	
14/10	PX151/03	Xuất bán lẻ	156	12.45.020	
		.....			
31/12	PTK06/12	Kết chuyển	911		58,945,914,278
		Cộng lũy kế		58,945,914,278	58,945,914,278
		<b><u>SDCK</u></b>			

**( nguồn dữ liệu : sổ cái TK 632 năm 2010)**

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ

## 2) .Kế toán chi phí quản lí kinh doanh

Do mô hình doanh nghiệp nhỏ nên Doanh nghiệp áp dụng chế độ sổ sách theo chế độ sổ sách của quyết định số: **48/2006/QĐ-BTC** .Quyết định số 48 thay thế Quyết định số 1177 TC/QĐ/CĐKT ngày 23/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ” và Quyết định số 144/2001/QĐ-BTC ngày 21/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc "Bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 1177 TC/QĐ/CĐKT".

Theo đó chi phí bán hàng được hạch toán vào tài khoản 642( chi phí quản lí kinh doanh) , có theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp 2

- TK6421 : chi phí bán hàng
- TK 6422: chi phí quản lí doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo.

### \* Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng tại Doanh nghiệp có:

- Chi phí bán hàng là một bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh nhằm thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá kinh doanh trong kỳ báo cáo.
- Chi phí nhân viên bán hàng: bao gồm tiền công và quỹ trích nộp bắt buộc theo tiền công (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn)
- Chi phí vật liệu, bao bì chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hoá dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hoá
- Chi phí khấu hao TSCĐ của các khâu bán hàng (kho, quầy, cửa hàng, phương tiện vận tải,...)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ điện, nước, ga, khí, bảo hành, quảng cáo, điện thoại, vận tải, bốc xếp, hoa hồng ...
- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.

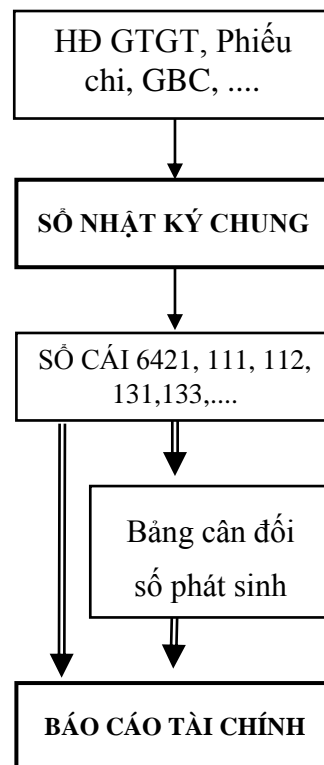
\* **Chứng từ sử dụng:** Hoá đơn, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, giấy tạm ứng, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ khấu hao,...

\* **Tài khoản sử dụng:** TK 6421- Chi phí bán hàng và các tài khoản liên quan khác.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

**Biểu số 35:**

**Quy trình ghi sổ chi phí bán hàng**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

**\*Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

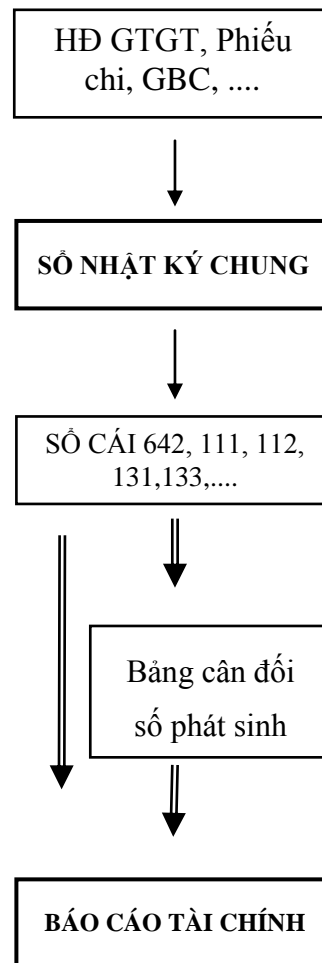
\* **Chứng từ sử dụng:** Phiếu chi, hoá đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

\* **Tài khoản sử dụng:** TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

**Biểu số 36:**

**Quy trình ghi sổ chi phí quản lý doanh nghiệp**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

**Ví dụ:**

*Ngày 8 tháng 10 năm 2010: chi tiền mua xăng dầu số tiền 2.183.000 phục vụ công tác đưa đón cán bộ quản lý.*

**Biểu số 37:**

## HÓA ĐƠN GIÁ

Mẫu số:01GTKL -

## TRỊ GIA TẶNG

3LL

Liên 2( giao cho khách hàng)

AL/2004B

Ngày 8 tháng 10 năm 2010

0084562

Đơn vị bán hàng : xí nghiệp xăng dầu Phù Liễn

Địa chỉ : Số 27 - Trần Tất Văn- Kiến An - HP

Số tài khoản : 32110000000300

Họ tên người mua hàng : Nguyễn Văn Dũng

Tên đơn vị :

Địa chỉ : Kiến an- HP

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

STT	TÊN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)
A	B	C	1	2	3 = 2 * 1
1	Xăng A92	lít	121.41	16.400	1.991.273
/					

Cộng tiền hàng 1.991.273

Thuế suất: 10%

Tiền thuế GTGT : 199.127

Tổng cộng tiền thanh toán 2.183.000

**Số tiền viết bằng chữ: hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn**

NGƯỜI MUA HÀNG

NGƯỜI BÁN HÀNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**Biểu số 38**

*Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng*

*Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa, Kiến An, HP*

**PHIẾU CHI            Số 142**

*Ngày 8 tháng 10 năm 2010*

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Dũng

Địa chỉ :

Lý do chi : mua xăng dầu

Số tiền : 2.183.000 ( viết bằng chữ: hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn)

Kèm theo ..... Chứng từ gốc .....

Ngày 8 tháng 10 năm 2010

**Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập    Thủ quỹ    Người nhận tiền**

**Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ):** hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn

**Biểu số 39:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng  
Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2010

**DVT: VND**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển sang			300.557.236.210	300.557.236.210
		.....				
PC141	8/10	Gửi tiền vào Ngân hàng	112		727.000.000	
				111		727.000.000
PC142	8/10	Trả tiền mua xăng	642		1.991.273	
			133		191.727	
				111		2.183.000
		.....				
		- Cộng chuyển trang sau			301.256.478.223	301.256.478.223
		- Cộng lũy kế			458.249.595.738	458.249.595.738

(Nguồn dữ liệu : trích sổ Nhật kí chung năm 2010 )

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 40:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**  
**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S03b-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh  
 Số hiệu TK: 642  
 Năm 2010

**ĐVT:**

**VNĐ**

Chứng từ		Diễn Giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b><u>SĐDK</u></b>			
		Số phát sinh			
		.....			
5/10	PC140	Chi mua xăng dầu	111	1.694.454	
<b>8/10</b>	<b>PC142</b>	<b>Trả tiền mua xăng</b>	<b>111</b>	<b>1.991.273</b>	
12/10	PC144	T/t tiền điện theo HĐ 780732	111	359.970	
		.....			
31/12	PKT08/12	Kc sang TK 911	911		599.184.273
		<b>Cộng phát sinh</b>		599.184.273	599.184.273
		<b><u>SDCK</u></b>			

(Nguồn dữ liệu : trích số sổ cái TK 642 năm 2010 )

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)

**2.2.2.2 .Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

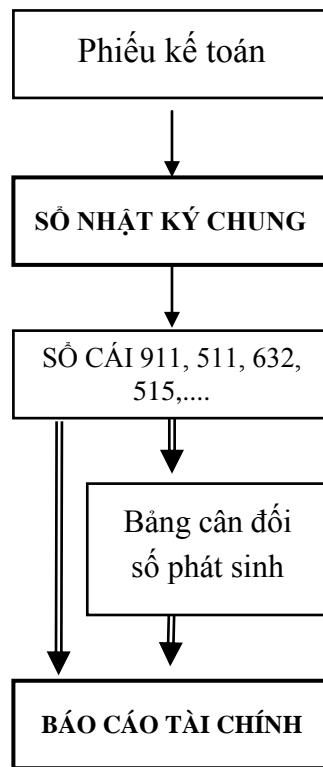
**\* Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan khác: TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp  
TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối  
.....

**\* Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.**

**Biểu số 41:**

**Quy trình ghi sổ xác định kết quả kinh doanh**



***Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

**Biểu số 42:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP							
<h2>PHIẾU KẾ TOÁN</h2>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2010							
Số: PKT04/12							
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
	K/C 511	511	911	59.185.446.267			
	<b>Cộng</b>			<b>59.185.446.267</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu số 42:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**  
**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S03a-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2010**

**ĐVT: VND**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
		Trang trước chuyển			339.859.867.800	339.859.867.800
		.....				
PKT04/12	31/12	Kết chuyển Doanh thu	511		59.185.446.267	
		thuần.		911		59.185.446.267
PKT05/12	31/12	Kết chuyển 711	711		5.382.944	
				911		5.382.944
PKT06/12	31/12	Kết chuyển 632	911		58.495.914.278	
				632		58.495.914.278
PKT08/12	31/12	Kết chuyển 642	911		599.184.273	
				642		599.184.273
PKT09/12	31/12	Xác định thuế TNDN	821		23.932.665	
		phải nộp		3334		23.932.665
PKT10/12	31/12	Kết chuyển 821	911		23.932.665	
				821		23.932.665
PKT11/12	31/12	Kết chuyển LNST	911		95.730.660	
				421		95.730.660
		Cộng chuyển trang sau			458.249.595.738	458.249.595.738
		Cộng lũy kế			458.249.595.738	458.249.595.738

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Biểu số 44:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt  
Hàng**  
**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S03b-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh  
Số hiệu TK: 911  
Năm 2010

**DVT:**

**VNĐ**

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>SDDK</u></b>			
		<b>Số phát sinh</b>			
<b>PKT04/12</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu</b>	<b>511</b>		<b>59.185.446.267</b>
PKT05/12	31/12	Kết chuyển DT tài chính	711		5.382.944
PKT06/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	58.495.914.278	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	599.184.273	
PKT10/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	23.932.665	
PKT11/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	95.730.660	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>59.190.829.211</b>	<b>59.190.829.211</b>
		<b><u>SDCK</u></b>			

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 45:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**  
**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S03b-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
 BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
 BTC**

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Năm 2010

**ĐVT:**

**VND**

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<b><u>SDDK</u></b>			
		<b>Số phát sinh</b>			
PKT09/12	31/12	Thuế thu nhập DN phải nộp	3334	23.932.665	
PKT10/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		23.932.665
		<b>Cộng phát sinh</b>		23.932.665	23.932.665
		<b><u>SDCK</u></b>			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Chương 3****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN  
THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, TIÊU THỤ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH  
NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYỆT HẰNG****3.1 Những nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.**

Thành quả của chặng đường hơn 10 năm mà DN tư nhân Nguyệt Hằng đã đi qua mang đậm nét truyền thống của những con người nơi đây đó là tính tự lực tự cường, đoàn kết một lòng, không sợ gian khó để chinh phục mục tiêu với một lòng khát khao đầy nhiệt huyết. Muốn vậy, đội ngũ cán bộ công nhân viên của DN tư nhân Nguyệt Hằng phải hiểu được điều cốt lõi, tính đặc trưng của DN tư nhân Nguyệt Hằng qua nhiều năm tiếp bước đã tạo nên niềm tin và sức mạnh để vượt qua những khó khăn, thử thách trong kinh doanh và những cám dỗ tiêu cực của đời sống xã hội.

Nhận thức được con đường dài cho sự phát triển doanh nghiệp đội ngũ quản lý đã có những hoạch định cụ thể và tích cực trong tương lai.

Sự nguy hại của thuốc lá đối với đời sống người dân nên DN đang có những bước chuyển tích cực trong cơ cấu kinh doanh. Trong thời gian tới sẽ giảm dần tỷ trọng thuốc lá trong tổng số các mặt hàng kinh doanh của doanh nghiệp.

**3.1.1 Ưu điểm*****\*) Hình thức kế toán áp dụng***

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại

doanh nghiệp nhỏ, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

*\*) Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán của công ty được thiết kế gọn nhẹ, hoạt động có nề nếp và đạt hiệu quả cao trong công việc. Các cán bộ kế toán có trình độ nghiệp vụ cao, thường xuyên cập nhật các thay đổi của chế độ kế toán Việt Nam và vận dụng một cách linh hoạt tác phong làm việc khoa học. Tổ chức bộ máy kế toán theo quan hệ trực tuyến chức năng với sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ kế toán trưởng giúp cho công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng, không chồng chéo, vừa chuyên môn hoá vừa hợp tác hoá giúp cho việc kiểm tra, đối chiếu dễ dàng và thuận lợi hơn.

Nhìn chung bộ máy kế toán của công ty đã đảm bảo việc phản ánh theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, cho bộ máy lãnh đạo.

*\*) Hệ thống chứng từ kế toán*

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng mẫu theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 . Chứng từ được phân loại rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty đều được phản ánh trong hệ thống chứng từ kế toán. Công ty áp dụng các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính qui định, ngoài ra Công ty còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn mà ở đó các chứng từ được hoàn chỉnh theo đặc thù của công ty.



Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ, Hoá đơn, chứng từ chi tiền mặt.... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm. Do sử dụng kế toán máy nên việc xử lý thông tin trên các chứng từ khá đơn giản, việc tính giá thành có thể được thực hiện nhanh chóng và chính xác. Thông qua đó nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính và giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời.

*\*) Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.*

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới của bộ tài chính. Kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

### **3.1.2 Tồn tại**

Bên cạnh những ưu điểm kế toán công ty vẫn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích làm sáng tỏ để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác hơn nữa những thông tin tài chính. Cụ thể:

*\*) Tồn tại thứ nhất: Hạch toán lãi suất tiền gửi Ngân hàng chưa đúng*

---

Hạch toán lãi suất tiền gửi Ngân hàng theo nguyên tắc phải hạch toán vào tài khoản 515( doanh thu hoạt động tài chính ) nhưng trong quá trình hạch toán kế toán lại đưa sang tài khoản 711( thu nhập khác) làm lẫn lộn doanh thu làm giảm doanh thu hoạt động tài chính và làm tăng thu nhập khác. Dẫn đến sẽ làm ảnh hưởng đến bảng báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

*\*) Tồn tại thứ hai : Tính giá hàng hóa xuất kho chưa chính xác*

Đối với công tác liên quan đến việc tính giá hàng hóa xuất kho còn nhiều tồn tại làm cho giá tăng hơn so với thực tế cụ thể như sau:

Doanh nghiệp tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước nhưng lại không theo dõi cụ thể số nhập trước dẫn đến lẫn lộn số nhập sau, theo dõi chung trên TK 632. Vì vậy giá hàng xuất kho không đúng và thường làm biến động tăng giá hàng xuất kho cao hơn so với giá thực tế khiến nhiều mặt hàng có giá khi xuất cao hơn giá thực tế.

*\*)Tồn tại thứ ba:kế toán doanh thu, tiêu thụ chưa cụ thể , chi tiết, chưa tách được doanh thu các mặt hàng*

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và phản ánh chưa rõ đặc thù khi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được tạo ra từ việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ kèm theo. Cụ thể là kế toán vẫn chưa mở đầy đủ các sổ chi tiết bán hàng để theo dõi chi tiết theo loại mặt hàng nhập vào hay bán ra.

Việc không mở các sổ chi tiết theo các mặt hàng sẽ không thể theo dõi một cách sát sao lượng hàng hóa ra vào doanh nghiệp, cũng như việc tính giá thành hàng hóa xuất kho, làm tăng giá xuất kho, tăng chi phí, giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

*\*)Tồn tại thứ tư: thiếu đội ngũ cán bộ làm kế toán*

Công tác kế toán tại doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng chỉ do duy nhất một kế toán theo dõi và làm việc ghi chép thủ công bằng tay nên không tránh khỏi việc bị bỏ sót các nghiệp vụ, do theo dõi không được chặt chẽ. Kế toán ôm đồm mọi việc khiến cho công việc trở nên hết sức nặng nề, bận rộn. Do khối lượng công việc phải xử lý lớn nên trong quá trình làm việc kế toán sẽ thiếu minh mẫn, làm việc kém hiệu quả. Đồng thời chỉ một người làm nên các thông tin kinh tế thiếu khách quan, độ tin tưởng bị giảm sút do không được kiểm tra, xác minh.

*\*)Tồn tại thứ năm: chưa vận dụng được khoa học công nghệ vào công tác kế toán, quản lý.*

Hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán Doanh nghiệp phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Doanh nghiệp có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

## **3.2 . Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.**

### **3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện**

Để đạt được hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải xác định phương hướng mục tiêu trong đầu tư, biện pháp sử dụng các điều kiện có sẵn... Do vậy kế toán nên sử dụng hình thức phân tích các chỉ tiêu trên cơ sở các số liệu đã ghi chép để đáp ứng kịp thời các thông tin cần thiết cho việc ra quyết định tốt nhất.

Ngoài các biện pháp cụ thể để công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự phối hợp giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo Công ty. Lãnh đạo Công ty là người có nhiệm vụ quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban kho và phòng kế toán đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học.

Nếu như kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ nói riêng và bộ máy kế toán nói chung làm việc đúng chức năng, hiệu quả công việc cao thì xác định kết quả kinh doanh đúng, từ đó giúp cho người lãnh đạo đề ra hướng đúng cho Công ty và ngược lại nếu người quản lý, lãnh đạo làm tốt việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức bộ máy gián tiếp, trực tiếp sẽ giúp cho công việc hạch toán được thuận lợi dễ dàng hơn.

Công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng.

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Đây là việc làm cần thiết đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước; đối với ngân

hàng – giúp cho việc tính toán các khoản lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; đối với cơ quan lãnh đạo trong việc đưa ra các phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

### 3.2.2 Một số kiến nghị

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh đã đạt được thì vẫn còn một số hạn chế tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng chưa thực sự đem lại hiệu quả kinh tế. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận và thực tế em xin mạnh dạn đưa ra một số đề xuất với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc khắc phục những hạn chế để công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí nói riêng tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng được hoàn thiện hơn:

#### **Kiến nghị 1:**

*Hạch toán lãi suất tiền gửi Ngân hàng chưa đúng*

Kế toán nên sử dụng TK515 để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính. Tại doanh nghiệp doanh thu hoạt động tài chính được hạch toán trực tiếp vào tài khoản TK711. Do vậy Doanh thu hoạt động tài chính được ghi chép như sau:

- Các khoản lãi được chia từ hoạt động đầu tư, cổ tức, lãi định kỳ của trái phiếu, lãi tiền cho vay, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,152,153,131

Nợ TK 121,228,223,222,221-(nếu đầu tư tiếp)

Có TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính

- Cuối kỳ hạch toán kết chuyển các khoản doanh thu hoạt động tài chính thuần để xác định kết quả, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911-Chi phí hoạt động tài chính

#### **Kiến nghị 2:**

*Tình giá hàng hóa xuất kho chưa chính xác và kế toán doanh thu, tiêu thụ chưa cụ thể, chi tiết, chưa tách được doanh thu các mặt hàng*

Đối với bộ phận kế toán tiêu thụ và xác định kết quả cần phải mở sổ chi tiết bán hàng, thường xuyên ghi chép phản ánh chính xác, đầy đủ khối lượng

hàng hoá bán ra, sổ hàng hoá đã giao cho các cửa hàng tiêu thụ, sổ hàng gửi bán và tình hình tiêu thụ sổ hàng đó để phản ánh kịp thời giá vốn làm cơ sở cho việc tính chỉ tiêu lợi nhuận gộp, lợi nhuận thuần trong kỳ và doanh thu cùng các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí bán hàng để từ đó xác định chỉ tiêu doanh thu thuần cũng như lợi tức thuần về tiêu thụ được xác định.

Khi hạch toán giá vốn hàng bán kế toán hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại hàng hóa bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở các **sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết hàng hoá, bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá theo các mặt hàng kinh doanh.**

Do tính chất là doanh nghiệp thương mại nên số lượng hàng hóa lớn, chủng loại đa dạng nên Doanh nghiệp có thể mở sổ chi tiết theo mặt hàng cụ thể theo các mẫu sau :

**Biểu số 46:**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**

**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**Mẫu số S10-DN**

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày**

**20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**

**SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA**

Tài khoản : 156

Tiểu khoản:

Tên kho :

Tên quy cách hàng hóa :

Mã số hàng hóa:

Đơn vị tính:

Năm :2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				SL	TT	SL	TT	SL	TT
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		<u>SDDK</u>								
		.....								
		Cộng phát sinh								
		<u>SDCK</u>								

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)



**Biểu số 47:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng

Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP

Mẫu số S11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HÓA**

Tài khoản :156

Tháng ....Năm 2011

STT	Mã số	Tên, quy cách hàng hóa	ĐƠN GIÁ	TÒN ĐẦU		NHẬP		XUẤT		TÒN CUỐI	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
A		B			1		2		3		4
		.....									
		.....									
		<b><u>CÔNG</u></b>									

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 48:**

Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng  
 Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản : 511

Tên hàng hóa :

Năm : 2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	DOANH THU				Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
			.....							
			<b>Cộng số phát sinh</b>							
			<b>Doanh thu thuần</b>							
			<b>Giá vốn hàng bán</b>							
			<b>Lãi gộp</b>							

**Biểu số 49**

**Đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng**

**Địa chỉ: số 2 Bùi Mộng Hoa- KA- HP**

**BẢNG TỔNG HỢP THEO TÀI KHOẢN**

Tài khoản : Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu : 511

Năm 2011

STT	Đối tượng	SDDK		SPS trong kì		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	<b>CỘNG</b>						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**Kiến nghị 3:***Thiếu đội ngũ cán bộ làm kế toán*

Về bộ phận kế toán do đội ngũ cán bộ thiếu nên doanh nghiệp cần tuyển thêm nhân viên kế toán để tránh công việc bị ìm ỉm, bỏ sót các nghiệp vụ kinh phát sinh do hiện tại chỉ có một kế toán kiêm nhiệm các vị trí. Các kế toán có thể phân công, kiểm tra công việc của đồng nghiệp. Tạo sự khách quan hơn và chính xác hơn cho các thông tin kế toán.

Cụ thể doanh nghiệp có thể tuyển thêm kế toán viên làm việc theo dõi các nghiệp vụ phát sinh thường ngày như các nghiệp vụ liên quan xuất nhập hàng hóa, kế toán viên làm nhiệm vụ thủ quỹ. Kế toán cũ làm các công việc của kế toán tổng hợp và kết toán trưởng. Đến cuối ngày hoặc cuối mỗi tuần các kế toán làm việc với nhau đối chiếu số liệu, sổ sách.

**Kiến nghị 4:***Ứng dụng công nghệ tin học:*

Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: Word, Excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc.

- Thời đại công nghệ thông tin có nhiều tiện ích phục vụ cho công việc của kế toán. Như việc cần phải áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại Công ty để việc hạch toán được thuận lợi hơn và đạt hiệu quả cao hơn tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Qua tìm hiểu thực tế em nhận thấy một số phần mềm thông dụng hay được dùng nhất hiện nay là “MetaData Accounting”, “Misa”, “S-

Accounting”, “Sas Innova 6.8” hoặc EFFECT... các phần mềm này dễ sử dụng và hỗ trợ rất nhiều cho công việc của kế toán. Em được biết các trường đào tạo kế toán hiện nay đều cho môn kế toán máy vào chương trình nên việc tiếp cận phần mềm kế toán sẽ không gặp nhiều khó khăn. Nếu không trước khi chuyển giao phần mềm kế toán thì các công ty đều có các hướng dẫn cụ thể để việc sử dụng dễ dàng hơn.

*\* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính*

- Hàng ngày, kế toán lập căn cứ vào chứng từ hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán có liên quan.

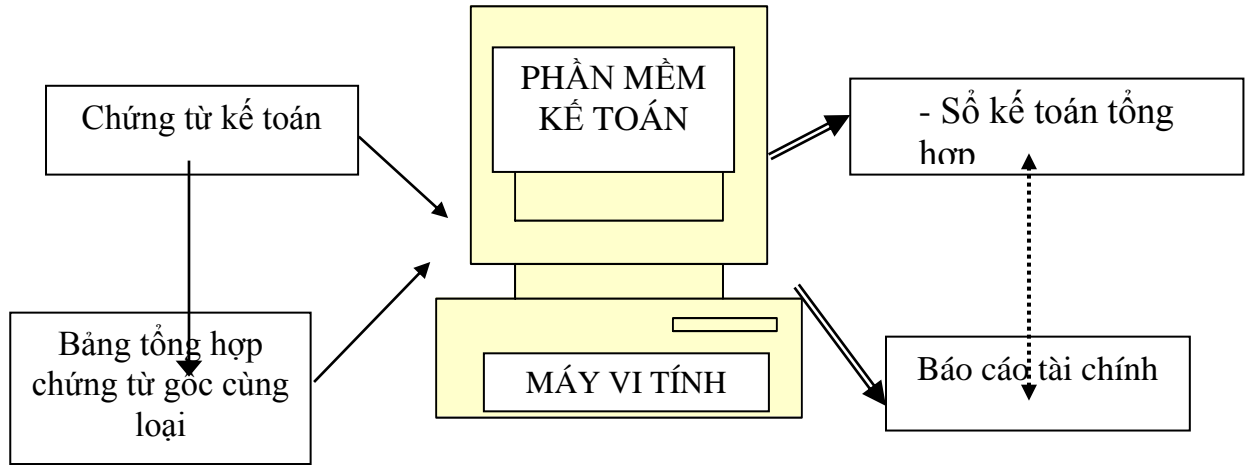
- Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kỳ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

- Cuối kỳ kế toán sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các pháp lý theo quy định.

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thực hiện theo sơ đồ sau:

**Biểu số 50**

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN  
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



Để có thể thực hiện được các nội dung em xin kiến nghị công ty một số vấn đề sau:

- Nên đầu tư nâng cấp trang thiết bị mới cho văn phòng.
- Tăng cường hợp tác mở rộng thị trường kinh doanh.
- Đào tạo nâng cao và cung cấp chế độ kế toán hiện hành cho các nhân viên kế toán.

Tóm lại, trong điều kiện kinh doanh như hiện nay Công ty cần tìm ra cho mình một kiến nghị riêng phù hợp để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Từng bước hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng nhằm tăng lợi nhuận và khẳng định vị trí của doanh nghiệp trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình.

## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp cho dù là doanh nghiệp sản xuất hay doanh nghiệp thương mại. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện cho quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Muốn vậy việc hoàn thiện phải được quan tâm đúng mức và thường xuyên.

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng.”** Đã phần nào đưa ra được những vấn đề cơ bản và những ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Khóa luận đã đề cập đến các vấn đề sau :

Về lí luận: nêu và hệ thống một cách cơ bản kiến thức về doanh thu, tiêu thụ, kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: đã phản ánh đầy đủ, khách quan công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng với số liệu năm 2010 để chứng minh cho những lập luận đã nêu ra.

Trên cơ sở đối chiếu lí luận cơ bản và thực tiễn công tác kế toán tại doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng Khóa luận đã nêu ra 4 kiến nghị dựa trên các mặt của công tác kế toán doanh thu, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, đề xuất mang tính khả thi. Tuy nhiên do tác giả chưa có nhiều kiến thức thực tế nên không thể tránh khỏi còn mang nặng màu sắc lí luận( lí thuyết).Dù vậy vẫn là những ý kiến đáng tham khảo cho các doanh nghiệp.

Cuối cùng, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Nguyễn Văn Tinh, các thầy cô giáo bộ môn cùng các cán bộ phòng Kế toán tài vụ tại Doanh

nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2011

SV : BÙI THỊ NGÂN HÀ

LỚP: QTL301K



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình “Kế toán quản trị” – Nhà xuất bản Lao Động – Xã Hội năm 2002
2. Giáo trình “Kế toán công trong đơn vị hành chính sự nghiệp” – Nhà xuất bản Tài Chính năm 2003.
3. Giáo trình “Tổ chức công tác kế toán” của trường Đại học Tài Chính Kế Toán.
4. Giáo trình “Kinh tế quốc tế” của trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – 6 chuẩn mực kế toán mới – Nhà xuất bản Tài Chính năm 2004.
6. Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn về chứng từ, sổ sách kế toán.
7. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS . TS Nguyễn Văn Công. Nhà xuất bản Tài Chính năm 2004.
8. Tài liệu từ các bản luận văn khác.
9. Tài liệu “Quá trình hình thành và phát triển của Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Hằng” cùng hệ thống chứng từ và sổ sách kế toán của Doanh nghiệp.